

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TÂN THÔNG HỘI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học phổ thông Tân Thông Hội.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử):

- Địa chỉ: Đường Suối Lội, ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 02837961848 – 02837961591.

- Địa chỉ email: C3tanthonghoi.tphcm@moet.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử: <https://thpttanthonghoi.hcm.edu.vn>

3. Loại hình: Đơn vị sự nghiệp Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, có chất lượng giáo dục cao, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2025, Trường THPT Tân Thông Hội trở thành trường chuẩn mực và năng động, nơi học sinh và giáo viên luôn có khát vọng học tập suốt đời, biết tư duy độc lập và sáng tạo để nâng cao lợi ích bản thân, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên nhất là năng lực giảng dạy chuyên sâu, bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy – học và công tác quản lý. Nâng cao trình độ ngoại ngữ trong cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Áp dụng các chuẩn đánh giá vào việc đánh giá hiệu trưởng, giáo viên và các hoạt động của nhà trường.

4.3. Mục tiêu

4.3.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Giữ vững trường chuẩn quốc gia.

4.3.2. Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu ngắn hạn: đến năm 2025 Trường THPT Tân Thông Hội phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục. Hiệu suất đào tạo 93%, tỉ lệ lưu ban bỏ học 3%.

- Mục tiêu trung hạn: đến năm 2027 Trường THPT Tân Thông Hội phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục. Hiệu suất đào tạo 94%, tỉ lệ lưu ban bỏ học 2%.

- Mục tiêu dài hạn: đến năm 2030 Trường THPT Tân Thông Hội phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục như sau:

+ Hiệu suất đào tạo 95%, tỉ lệ lưu ban bỏ học 1%.

+ Thương hiệu nhà trường được nâng cao.

+ Duy trì đạt kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 2, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT Tân Thông Hội được thành lập ngày 18/04/2003, tọa lạc tại đường Suối Lội, ấp Bàu Sim 1, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, trên diện tích 20.622,5m². Trải qua hơn 20 năm hình thành, xây dựng và phát triển về cơ sở vật chất, số lớp học, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đến nay, nhà trường đã tạo được vị trí nhất định trong giáo dục bậc trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Châu Văn Khoãn.

- Chức vụ: Hiệu trưởng.

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Trung học phổ thông Tân Thông Hội, đường Suối Lội, ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: 0904428005.

- Địa chỉ email: chauvankhoan@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 1525/QĐ-UB ngày 18 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho phép thành lập Trường Trung học phổ thông Tân Thông Hội trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 3175/QĐ-SGDĐT-TC ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về công nhận Hội đồng trường của Trường THPT Tân Thông Hội nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường: Quyết định số 3307/QĐ-SGDĐT-TC ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về công nhận Chủ tịch Hội đồng trường của Trường THPT Tân Thông Hội nhiệm kỳ 2020-2025.

c) Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng Châu Văn Khoản: Quyết định số 4223/QĐ-SGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Du Hoàng Hậu: Quyết định số 116/QĐ-SGDĐT-TC ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Bùi Xuân Hải: Quyết định số 1917/QĐ-SGDĐT-TC ngày 29 tháng 06 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về bổ nhiệm viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động và sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

- Quy chế tổ chức và hoạt động: Quyết định số 456/QĐ-THPTTTH ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường THPT Tân Thông Hội về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động năm học 2024-2025.

- Cơ cấu tổ chức nhà trường gồm: Hội đồng trường; 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; 12 Tổ chuyên môn; 01 Tổ Văn phòng; 40 lớp học.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

Lãnh đạo	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Họ tên	Châu Văn Khoản	Bùi Xuân Hải	Du Hoàng Hậu
Điện thoại	0904428005	0963783232	0933830359
Địa chỉ email	chauvankhoan@gmail.com	buixuanhai4566@gmail.com	duhoanghau.0359@gmail.com

(Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông)

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng, cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Số lượng, cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm.

NHÓM	TÊN VTVL	MÃ VTVL	số lượng
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý		3
	1. Hiệu trưởng	LĐQL.01	1
	2. Phó Hiệu trưởng	LĐQL.02	2
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		72
	1. Giáo viên trung học phổ thông hạng I	NVCN.01	0
	2. Giáo viên trung học phổ thông hạng II	NVCN.02	6
	3. Giáo viên trung học phổ thông hạng III	NVCN.03	65
	4. Thiết bị, thí nghiệm	NVCN.04	0
	5. Giáo vụ	NVCN.05	1
	6. Tư vấn học sinh	NVCN.06	0
	7. Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	NVCN.07	0
3	VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		4
	1. Thư viện viên hạng IV	CMDC.04	1
	2. Công nghệ thông tin	CMDC.05	0
	3. Kế toán viên	CMDC.09	1
	4. Văn thư viên	CMDC.15	1
	5. Y tế học đường	CMDC.17	1
4	VTVL hỗ trợ, phục vụ		7
	1. Nhân viên bảo vệ	HTPV.01	4
	2. Nhân viên phục vụ	HTPV.02	3
	Tổng cộng		86

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo trình độ được đào tạo;

Bộ phận	Tổng	Trình độ đào tạo					
		Trên ĐH	ĐH	CĐ	TC	TNTHPT	khác
Lãnh đạo	3	1	2				
Giáo viên	71	9	62				
Nhân viên	12	0	2	0	3	1	6

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

Bộ phận	Tổng	Chuẩn nghề nghiệp			
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Lãnh đạo	3	3			

Giáo viên	71	63	8		
-----------	----	----	---	--	--

c) Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

Diện tích khu đất xây dựng trường	20.622,5m ²	Đối sánh TT13/2020/TT-BGDĐT
Điểm trường	01	
diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh	11,5 m ²	tối thiểu 10m ²

c) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

TT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích	Bình quân	Đối sánh TT13/2020/TT-BGDĐT
I	KHỐI HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ				
1.	Hiệu trưởng	1	27,88m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng
2.	Phó Hiệu trưởng	2	25,84 m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng
3.	Phòng Công đoàn	1	25,5 m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng
4.	Phòng Giáo vụ	1	55,08 m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng
5.	Phòng Kế toán	1	26,52 m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng
6.	Phòng Văn thư	1	26,52 m ²	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng
7.	Bảo vệ	2	16m ²	Có vị trí quan sát thuận lợi, đặt gần lối ra vào	Tối thiểu 01 phòng; Có vị trí quan sát thuận lợi, đặt gần lối ra vào
8.	Phòng khách HT	1	55,08 m ²		
9.	Khu vệ sinh CB, GV, NV	2	27 m ²		
10.	Khu để xe CB, GV, NV	1	237,5 m ²		Có mái che, đủ chỗ cho CB, GV, NV
II.	KHỐI PHÒNG HỌC TẬP				

TT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích	Bình quân	Đối sánh TT13/2020/TT-BGDĐT
1.	Phòng học	40	53,04 m ²	1 phòng/ lớp; bình quân: 1,17m ² /hs	Tối thiểu 0.6 phòng/ lớp; bình quân: 1,5m ² /hs
2.	Phòng học bộ môn Âm nhạc	0			Tối thiểu 1 phòng; bình quân: 2,45m ² /hs
3.	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0			Tối thiểu 1 phòng; bình quân: 2,45m ² /hs
4.	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	92,72m ²	2,11m ² /hs	Tối thiểu 1 phòng; bình quân: 2,45m ² /hs
5.	Phòng học bộ môn Tin học	4	76,16 m ²	1,69m ² /hs	Tối thiểu 1 phòng; bình quân: 2m ² /hs
6.	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	2	92,72m ²	2,06m ² /hs	Tối thiểu 1 phòng; bình quân: 2m ² /hs
7.	Phòng học đa chức năng	0			Tối thiểu 1 phòng; bình quân: 2m ² /hs
8.	Phòng học bộ môn Vật lý	1	101,66 m ²	2,25m ² /hs	Tối thiểu 1 phòng; bình quân: 2m ² /hs
9.	Phòng học bộ môn Hóa học	1	78,2 m ²	1,73 m ² /hs	Tối thiểu 1 phòng; bình quân: 2m ² /hs
10.	Phòng học bộ môn Sinh học	1	78,2 m ²	1,73 m ² /hs	Tối thiểu 1 phòng; bình quân: 2m ² /hs
11.	Phòng học bộ môn Ngữ văn	1	92,72m ²	2,06m ² /hs	Không quy định có
12.	Phòng học bộ môn Toán học	1	92,72m ²	2,06m ² /hs	Không quy định có
13.	Phòng học bộ môn Địa, Sử, GDCD	1	92,72m ²	2,06m ² /hs	Không quy định có
III. KHÔI HỖ TRỢ HỌC TẬP					
1.	Thư viện	1	136m ² Không gian mở 174 m ²	0,60 m ² /hs	Không nhỏ hơn 60 m ² /thư viện; Tối thiểu 0,60 m ² /hs; quy mô từ 30% đến 50% tổng số hs
2.	Phòng thiết bị giáo dục	1	28,22 m ²		Tối thiểu 1 phòng, 48m ² /phòng
3.	Phòng tư vấn học đường	1	28,22 m ²		Đảm bảo có 1 phòng, 24m ² /phòng

TT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích	Bình quân	Đối sánh TT13/2020/TT-BGDĐT
4.	Phòng đoàn TN	1	28,22 m ²		Đảm bảo có 1 phòng; 0,03m ² /hs
5.	Phòng truyền thống	1	81,6 m ²		Tối thiểu 1 phòng, 48m ² /phòng
IV.	KHỐI PHỤ TRỢ				
1.	Phòng họp	1	110,16	1,2 m ² /người	Đảm bảo có 1 phòng; 1,2m ² /người
2.	Phòng họp tổ chuyên môn	0			Tối thiểu 2 phòng, 30m ² /phòng
3.	Y tế	1	27,2 m ²		Tối thiểu 1 phòng, 24m ² /phòng
4.	Nhà kho	1	167 m ²		Tối thiểu 1 phòng, 48m ² /kho
5.	Khu đỗ xe HS	2	143,5 m ²		0,90m ² /xe đạp 2,5m ² /xe máy
6.	Khu vệ sinh HS	4	261,67 m ²	0,14 m ² /hs	0.06 m ² /hs
7.	Phòng nghỉ GV	1	28,22 m ²		12m ² /phòng
8.	Phòng GV	0			4m ² /GV
9.	Cổng, tường rào	2	Kiên cố; ngăn cách với bên ngoài		Kiên cố; ngăn cách với bên ngoài
V.	KHU SÂN CHƠI TDTT				
1.	Sân trường	3	7228m ²	4,03m ² /hs	Tối thiểu 1 sân chung, bằng phẳng và cây xanh; 1,5m ² /hs
2.	Sân TDTT (sân bóng chuyền có mái che)	1	360m ²		Không nhỏ hơn 350 m ²
3.	Nhà đa năng	1	884m ²		450m ² /nhà
VI	KHỐI PHỤC VỤ SINH HOẠT	0	Ghi chú: Trường không tổ chức nội trú		
VII	HẠ TẦNG KỸ THUẬT				
1.	Hệ thống cấp nước sạch	có	Đáp ứng nhu cầu sử dụng		Đáp ứng nhu cầu sử dụng
2.	Hệ thống cấp điện	có	Bảo đảm đủ công suất		Bảo đảm đủ công suất

TT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích	Bình quân	Đối sánh TT13/2020/TT-BGDĐT
3.	Hệ thống PCCC	có	Bảo đảm theo quy định		Bảo đảm theo quy định
4.	Hạ tầng CNTT, liên lạc	có	Điện thoại; Internet đảm bảo		Điện thoại; Internet đảm bảo
5.	Khu thu gom rác thải	có	Tách biệt và cách xa khỏi phòng học, chức năng		Tách biệt và cách xa khỏi phòng học, chức năng

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

Thiết bị dạy học trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*đính kèm phụ lục 1 – danh mục thiết bị*).

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (*đính kèm phụ lục 2 – danh mục SGK*).

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Kết quả tự đánh giá:

+ Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

+ Đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá (*đính kèm Kế hoạch cải tiến chất lượng*).

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Kết quả đánh giá ngoài lần 1: (đính kèm quyết định công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1).

+ Tháng, năm đánh giá: 6/2020.

+ Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

+ Đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm (*đính kèm Kế hoạch cải tiến chất lượng*).

(Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan; (đính kèm Kế hoạch tuyển sinh).

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục; (đính kèm Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025).

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh; (đính kèm Quy chế phối hợp).

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước: (2023-2024)

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Kết quả tuyển sinh 10 năm học 2023-2024:

Số học sinh chỉ tiêu giao theo Quyết định của Sở		Số học sinh Sở giao cụ thể		Số học sinh đăng ký nhập học	Số học sinh không đăng ký nhập học	Số học sinh chuyển đến	Số học sinh Tuyển thẳng	Số học sinh đủ điều kiện đăng ký Trúng Tuyển bổ sung	Tổng số học sinh Tuyển sinh lớp 10 đủ điều kiện nộp hồ sơ
Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh						
14	630	14	639	612	27	02	09	08	631

- Thông tin học sinh:

Nội dung	Năm học 2023-2024	Ghi chú
Tổng số học sinh theo từng khối:	1746	
- Khối 10	630	
- Khối 11	580	
- Khối 12	536	
Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối;	44,7	
- Khối 10	45	
- Khối 11	44,6	
- Khối 12	44,6	

Nội dung	Năm học 2023-2024	Ghi chú
Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày	1746	
Số lượng học sinh nam/học sinh nữ	771/975	
Số học sinh là người dân tộc thiểu số	38	
Số học sinh khuyết tật	16	
Số lượng học sinh chuyển trường đi	24	
Số lượng học sinh chuyển đến	14	
Số học sinh bỏ học	6	
Số học sinh lưu ban sau thi lại	4	

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

STT	Khối	TSHS/Nữ	HÀNH KIỂM										HỌC LỰC							
			TỐT		KHÁ		T.BÌNH /ĐẠT		YẾU /C.ĐẠT		Trên TB		KXL		GIỎI /TỐT		KHÁ		T.BÌNH /ĐẠT	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	10	626/344	593	94.73	31	4.95	1	0.16	1	0.16	625	99.84	0	0.00	189	30.19	288	46.01	141	22.52
2	11	575/327	539	93.74	31	5.39	4	0.70	1	0.17	574	99.83	0	0.00	211	36.70	261	45.39	99	17.22
3	12	529/304	501	94.71	27	5.10	1	0.19	0	0.00	529	100.00	0	0.00	213	40.26	238	44.99	77	14.56
Toàn trường		1730/975	1,633	94.39	89	5.14	6	0.35	2	0.12	1,728	99.88	0	0	613	35.43	787	45.49	317	18.32

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Nội dung	Năm học 2023-2024	Ghi chú
Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp	528	
Số lượng học sinh trúng tuyển đại học	414/528 (tỷ lệ 79,16%)	

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): không.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đính kèm.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Kết quả năm học 2023-2024.

- Khối 12: 100% dự thi TNPT, kết quả TNPT 528/528 tỷ lệ 100% đạt chỉ tiêu đề ra (cao hơn TL TNPT so với năm học 2022-2023: 99.8%),

- Hiệu suất đào tạo đạt 95,5% thấp hơn năm học trước 96.8%, chỉ tiêu 97%. - Kết quả đậu ĐH đợt 1: 414/528 (Tỷ lệ 79,16%).

- Học sinh đạt giải các kỳ thi Học sinh Giỏi thành phố, Olympic: HSG TP: 7 giải; Học sinh Giỏi giải toán trên máy tính cầm tay: 8 giải; học sinh đạt giải kỳ khảo sát Olympic: 8 giải.

- Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng: 1189/1201 (Tỷ lệ 99%) (tăng 1% so với năm học trước, đạt chỉ tiêu 98%).

- Tỷ lệ học lực (KQHT) khá – tốt: 80,92% → tăng 1,76% so với năm học trước. (79.16%).

- Học sinh lưu ban sau thi lại: 4; tỷ lệ 0.2%, giảm 0.1% , năm trước 0.3%, đạt chỉ tiêu đề ra ($\leq 2.5\%$), bỏ học 6/1730 tỷ lệ 0.3%, giảm 0.6%, năm học trước 0.9%, đạt chỉ tiêu ($< 3\%$).

- Tỷ lệ hạnh kiểm (KQRL) khá – tốt: 99,53 % tăng 0,1% so với năm học trước 99,43, đạt chỉ tiêu 98%.

- Các hoạt động giáo dục học sinh được duy trì khá ổn định và ngày càng nâng cao. Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, các hoạt động văn – thể – mỹ, các phong trào thanh niên, các hoạt động ngoại khóa, chuyên đề nhằm giáo dục toàn diện cho học sinh về các mặt đức – trí – văn – thể – mỹ. Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp dưới sự cố vấn của giáo viên chủ nhiệm, hoạt động ngoại khóa của tổ chuyên môn, giáo viên được tích lũy thêm kinh nghiệm về cách tổ chức một hoạt động, cách xây dựng kịch bản chương trình, đó cũng là một kênh giáo dục kỹ năng tổ chức sự kiện cho học sinh rất có hiệu quả.

- Tập thể sư phạm nhà trường tiếp tục giữ vững sự ổn định, đoàn kết và luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Kết quả thi đua năm học 2023-2024:

Tập thể: đạt.

- Tập thể Lao động tiên tiến.

- Tập thể Lao động xuất sắc cấp Thành phố.

Cá nhân:

- Lao động tiên tiến: 87/87, 100%.

- Chiến sĩ thi đua cơ sở: 19/87 (đã có quyết định).

- Bằng khen của UBND Thành phố: 03 (chờ quyết định).

- Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoạt động tốt và hiệu quả, cụ thể:

+ Chi bộ nhà trường được Huyện ủy Củ Chi công nhận là Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Công đoàn cơ sở: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Đoàn trường được Huyện đoàn Củ Chi công nhận Đoàn trường Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Chi đoàn giáo viên đạt Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Về công tác kiểm tra, kiểm tra nội bộ: số giáo viên được kiểm tra các chuyên đề đạt loại tốt: 21/21 giáo viên, số tổ trưởng chuyên môn đạt loại tốt: 03/03 TTCM.

- Về bồi dưỡng thường xuyên: 100% cán bộ, giáo viên tham gia BDTX trực tuyến do Trường Đại học Sài Gòn tổ chức, kết quả đạt 100%.

- Về dạy thêm học thêm: nhà trường đã triển khai Công văn số 3538/GDDT-VP ngày 18/10/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 09/CV-TTH ngày 26/10/2016 của nhà trường về chấn chỉnh tình trạng dạy thêm ngoài nhà trường, trong năm qua nhà trường chấp hành nghiêm túc không tổ chức dạy thêm trong trường, giáo viên chỉ tham gia dạy thêm ở các trung tâm.

- Về công tác quản lý, chủ nhiệm lớp: có 12/25 giáo viên chủ nhiệm 10,11 được khen thưởng, có 11/12 giáo viên chủ nhiệm khối 12 quản lý lớp ôn thi THPT đạt tỷ lệ cao./.

Nơi nhận:

- Đăng tải website của trường;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT, (Hậu).


HIỆU TRƯỞNG
Châu Văn Khoản

36	PTTD2004	Đồng hồ bấm giây	Giáo dục thể chất	1.00	1.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
37	PTTD2005	Thước dây	Giáo dục thể chất	2.00	2.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
38	PTTD2006	Bàn đạp xuất phát	Giáo dục thể chất	20.00	20.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
39	PTTD2008	Quả cầu lông	Giáo dục thể chất	200.00	200.00	Quả	39/2021/TT-BGDĐT
40	PTTD2016	Còi	Giáo dục thể chất	6.00	6.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
41	PTTD2029	Nắm thể thao	Giáo dục thể chất	40.00	40.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
42	PTTD2030	Bơm	Giáo dục thể chất	3.00	3.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
43	PTTD2031	Dây nhảy cá nhân	Giáo dục thể chất	20.00	20.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
44	PTTD2032	Dây nhảy tập thể	Giáo dục thể chất	1.00	1.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
45	PTTD2034	Dây kéo co	Giáo dục thể chất	2.00	2.00	Cuộn	39/2021/TT-BGDĐT
46	PTTD2039	Dụng cụ xới cát	Giáo dục thể chất	1.00	1.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
47	PTTD2041	Cột nhảy cao	Giáo dục thể chất	4.00	4.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
48	PTTD2042	Đệm nhảy cao	Giáo dục thể chất	4.00	4.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
49	PTTD2045	Quả bóng đá	Giáo dục thể chất	30.00	30.00	Quả	39/2021/TT-BGDĐT
50	PTTD2046	Cầu môn, lưới	Giáo dục thể chất	4.00	4.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
51	PTTD2048	Cột, bảng rõ	Giáo dục thể chất	2.00	2.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
52	PTTD2049	Quả bóng chuyền	Giáo dục thể chất	50.00	50.00	Quả	39/2021/TT-BGDĐT
53	PTTD2050	Cột và lưới	Giáo dục thể chất	2.00	2.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
54	PTTD2051	Quả bóng bàn	Giáo dục thể chất	20.00	20.00	Quả	39/2021/TT-BGDĐT
55	PTTD2052	Bàn, lưới	Giáo dục thể chất	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
56	PTTD2054	Cầu môn, lưới	Giáo dục thể chất	2.00	2.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
57	PTTD2057	Cột, lưới	Giáo dục thể chất	4.00	4.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
58	PTTD2057	Cột, lưới	Giáo dục thể chất	5.00	5.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
59	PTTD2073	Lưới chắn bóng	Giáo dục thể chất	1.00	1.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
Hóa học							
60	PTHH2011	Ống nghiệm Φ16	Hóa học	118.00	118.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
61	PTHH2015	Ống hút nhỏ giọt	Hóa học	28.00	28.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
62	PTHH2016	Ống đong hình trụ 100ml	Hóa học	2.00	2.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
63	PTHH2026	Bình tam giác 100ml	Hóa học	60.00	60.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
64	PTHH2031	Cốc thủy tinh 250ml	Hóa học	11.00	11.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
65	PTHH2032	Cốc thủy tinh 100ml	Hóa học	5.00	5.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
66	PTHH2033	Phễu lọc thủy tinh cổ dài	Hóa học	6.00	6.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
67	PTHH2037	Đũa thủy tinh	Hóa học	15.00	15.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
68	PTHH2038	Đèn cồn thí nghiệm	Hóa học	7.00	7.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
69	PTHH2039	Bát sứ nung	Hóa học	8.00	8.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
70	PTHH2040	Nhiệt kế rượu	Hóa học	1.00	1.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
71	PTHH2043	Nút cao su không có lỗ các loại	Hóa học	4.00	4.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
72	PTHH2045	Giá để ống nghiệm	Hóa học	20.00	20.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
73	PTHH2050	Kẹp đốt hóa chất cỡ lớn	Hóa học	2.00	2.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
74	PTHH2052	Kẹp ống nghiệm	Hóa học	31.00	31.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT

75	PTHH2053	Găng tay cao su	Hóa học	6.00	6.00	Hộp	39/2021/TT-BGDĐT
76	PTHH2058	Chổi rửa ống nghiệm	Hóa học	14.00	14.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
77	PTHH2059	Thìa xúc hoá chất	Hóa học	3.00	3.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
78	PTHH2061	Giấy lọc	Hóa học	11.00	11.00	Hộp	39/2021/TT-BGDĐT
79	PTHH2064	Bộ giá thí nghiệm	Hóa học	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
80	PTHH2071	Sodium (Na)	Hóa học	200.00	200.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
81	PTHH2073	Lưu huỳnh bột (S)	Hóa học	200.00	200.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
82	PTHH2075	Kẽm viên (Zn)	Hóa học	200.00	200.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
83	PTHH2081	Đồng vụn (Cu)	Hóa học	100.00	100.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
84	PTHH2082	Đồng lá (Cu)	Hóa học	100.00	100.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
85	PTHH2093	Axit clohidric 37% HCl	Hóa học	500.00	500.00	ml	01/2010/TT-BGDĐT
86	PTHH2095	Axit axetic 50% CH ₃ COOH	Hóa học	300.00	300.00	ml	01/2010/TT-BGDĐT
87	PTHH2096	Axit nitric 63% HNO ₃	Hóa học	500.00	500.00	ml	01/2010/TT-BGDĐT
88	PTHH2099	Kali iotua KI	Hóa học	100.00	100.00	g	01/2010/TT-BGDĐT
89	PTHH2101	Canxi clorua CaCl ₂ .6H ₂ O	Hóa học	500.00	500.00	g	01/2010/TT-BGDĐT
90	PTHH2103	Sắt (III) clorua FeCl ₃	Hóa học	500.00	500.00	g	01/2010/TT-BGDĐT
91	PTHH2109	Kali nitrat KNO ₃	Hóa học	500.00	500.00	g	01/2010/TT-BGDĐT
92	PTHH2111	Silver nitrate, (AgNO ₃)	Hóa học	60.00	60.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
93	PTHH2114	Copper (II) sulfate, (CuSO ₄ .5H ₂ O)	Hóa học	6,000.00	6,000.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
94	PTHH2115	Zinc sulfate(ZnSO ₄ .7H ₂ O)	Hóa học	300.00	300.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
95	PTHH2118	sodium hydrogen carbonate (NaHCO ₃)	Hóa học	100.00	100.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
96	PTHH2120	Natri cacbonat Na ₂ CO ₃ .10H ₂ O	Hóa học	500.00	500.00	g	
97	PTHH2127	Canxi cacbua CaC ₂	Hóa học	1.00	1.00	g	01/2010/TT-BGDĐT
98	PTHH2129	Dung dịch amoniac bão hoà NH ₃	Hóa học	500.00	500.00	ml	01/2010/TT-BGDĐT
99	PTHH2132	Potassium permanganate, (KMnO ₄)	Hóa học	150.00	150.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
100	PTHH2138	Glucosơ CH ₂ OH(CHOH) ₄ CHO	Hóa học	5.00	5.00	g	01/2010/TT-BGDĐT
101	PTHH2139	Saccarơ C ₁₂ H ₂₂ O ₁₁	Hóa học	500.00	500.00	g	01/2010/TT-BGDĐT
102	PTHH2142	Anilin C ₆ H ₅ NH ₂	Hóa học	1.00	1.00	ml	01/2010/TT-BGDĐT
103	PTHH2144	Glixerol C ₃ H ₅ (OH) ₃	Hóa học	500.00	500.00	ml	01/2010/TT-BGDĐT
104	PTHH2154	Giấy quỳ tím	Hóa học	4.00	4.00	Hộp	39/2021/TT-BGDĐT
105	PTHH2159	Hydropeoxide 30% (H ₂ O ₂)	Hóa học	100.00	100.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
106	PTHH2162	Phễu chiết hình quả lê	Hóa học	2.00	2.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
107	PTHH2163	Acetic acid (CH ₃ COOH)	Hóa học	300.00	300.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
108	PTHH2164	Aluminum potassium sulfate Dodecahydrate (KAl(SO ₄) ₂ .12H ₂ O)	Hóa học	1,500.00	1,500.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
109	PTHH2165	Ammonium sulfate ((NH ₄) ₂ SO ₄) hoặc Ammonium nitrate (NH ₄ NO ₃)	Hóa học	200.00	200.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
110	PTHH2166	Aniline (C ₅ H ₅ NH ₂)	Hóa học	200.00	200.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
111	PTHH2168	Barium chlorid (BaCl ₂)	Hóa học	300.00	300.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
112	PTHH2174	Bromine lỏng (Br ₂)	Hóa học	100.00	100.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
113	PTHH2175	Calcium carbide (CaC ₂)	Hóa học	300.00	300.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
114	PTHH2178	Chậu nhựa	Hóa học	11.00	11.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT

115	PTHH2180	Cồn đốt	Hóa học	500.00	500.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
116	PTHH2185	Dung dịch ammonia bão hoà (NH ₃)	Hóa học	200.00	200.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
117	PTHH2187	Ethanol 96° (C ₂ H ₅ OH)	Hóa học	4,000.00	4,000.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
118	PTHH2188	Glucose (C ₆ H ₁₂ O ₆)	Hóa học	1,000.00	1,000.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
119	PTHH2189	Glycerol (C ₃ H ₈ O ₃)	Hóa học	300.00	300.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
120	PTHH2190	Hexane (C ₆ H ₁₄)	Hóa học	501.00	501.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
121	PTHH2191	Hydrochloric acid 37% (HCl)	Hóa học	500.00	500.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
122	PTHH2192	Iodine (I ₂)	Hóa học	100.00	100.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
123	PTHH2193	Iron (III) chloride (FeCl ₃)	Hóa học	1.00	1.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
124	PTHH2194	Iron sulfate heptahydrate, (FeSO ₄ .7H ₂ O)	Hóa học	501.00	501.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
125	PTHH2195	Kéo cắt	Hóa học	4.00	4.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
126	PTHH2197	Mặt kính đồng hồ	Hóa học	2.00	2.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
127	PTHH2198	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Hóa học	1.00	1.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
128	PTHH2200	Methylamine (CH ₃ NH ₂) hoặc Ethylamine (C ₂ H ₅ NH ₂)	Hóa học	1.00	1.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
129	PTHH2201	Nitric acid 65% (HNO ₃)	Hóa học	500.00	500.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
130	PTHH2203	Ống nghiệm	Hóa học	50.00	50.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
131	PTHH2204	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	Hóa học	1,000.00	1,000.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
132	PTHH2205	Phenolphthalein	Hóa học	11.00	11.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
133	PTHH2210	Sodium bromide (NaBr)	Hóa học	1,100.00	1,100.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
134	PTHH2211	Sodium carbonate, (Na ₂ CO ₃ .10H ₂ O)	Hóa học	200.00	200.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
135	PTHH2212	Sodium chloride (NaCl)	Hóa học	300.00	300.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
136	PTHH2214	Sodium hydroxide (NaOH)	Hóa học	1,000.00	1,000.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
137	PTHH2215	Sodium iodide (NaI)	Hóa học	100.00	100.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
138	PTHH2216	Sodium thiosulfate, (Na ₂ S ₂ O ₃)	Hóa học	100.00	100.00	g	39/2021/TT-BGDĐT
139	PTHH2217	Sulfuric acid 98% (H ₂ SO ₄)	Hóa học	1.00	1.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
140	PTHH2219	Toluene (C ₇ H ₈)	Hóa học	1.00	1.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
141	PTHHC3023	Lọ thủy tinh miêng hẹp kèm ống hút nhỏ giọt	Hóa học	2.00	2.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
142	PTHHC3026	Cân điện tử	Hóa học	1.00	1.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
143	PTHHC3027	Tủ hút	Hóa học	1.00	1.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
144	PTHHC3028	Tủ đựng hóa chất	Hóa học	5.00	5.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
145	PTHHC3031	Lưới tản nhiệt	Hóa học	8.00	8.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
146	PTHHC3032	Khay đựng dụng cụ, hóa chất	Hóa học	1.00	1.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
Lịch sử							
147	PTLS2044	Chiến dịch Biên giới thu-đông 1950	Lịch sử	1.00	1.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
148	PTLS2046	Chiến dịch Việt Bắc thu-đông 1947	Lịch sử	1.00	1.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
149	PTLS2049	Lược đồ các quốc gia Đông Nam Á cổ và phong kiến	Lịch sử	1.00	1.00	Tờ	39/2021/TT-BGDĐT
150	PTLS2052	Lược đồ Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX	Lịch sử	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
151	PTLS2054	Lược đồ Kháng chiến chống Tống thời Lý (1075-1077)	Lịch sử	1.00	1.00	Tờ	39/2021/TT-BGDĐT
152	PTLS2055	Lược đồ Kháng chiến chống xâm lược Mông - Nguyên	Lịch sử	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
153	PTLS2056	Lược đồ Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)	Lịch sử	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT

154	PTLS2057	Lược đồ Phong trào Tây Sơn	Lịch sử	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
155	PTLS2062	Lược đồ Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954	Lịch sử	1.00	1.00	Tờ	39/2021/TT-BGDĐT
156	PTLS2063	Lược đồ Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975	Lịch sử	1.00	1.00	Tờ	39/2021/TT-BGDĐT
157	PTLS2079	Lược đồ các quốc gia cô đại phương Đông và phương Tây	Lịch sử	1.00	1.00	Tờ	39/2021/TT-BGDĐT
158	PTLS3062	Phim tài liệu: Thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất	Lịch sử	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
159	PTLS3063	Phim tài liệu: Thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai	Lịch sử	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
160	PTLS3068	Phim tư liệu: Đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Lịch sử	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
Ngoại ngữ							
161	79PT0012	Bộ thiết bị kết nối mạng	Ngoại ngữ	1.00	1.00	Bộ	21/2020/QĐ-UBND
162	79PT0012	Bộ thiết bị kết nối mạng	Ngoại ngữ	1.00	1.00	Bộ	21/2020/QĐ-UBND
163	PTNN1003	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Ngoại ngữ	1.00	1.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
164	PTNN1003	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Ngoại ngữ	1.00	1.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
165	PTNN1004	Bộ máy vi tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Ngoại ngữ	1.00	1.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
166	PTNN1004	Bộ máy vi tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Ngoại ngữ	1.00	1.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
167	PTNN1010	Thiết bị cho học sinh	Ngoại ngữ	46.00	46.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
168	PTNN1011	Thiết bị dạy cho giáo viên	Ngoại ngữ	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
169	PTNN1014	Bàn, ghế dùng cho giáo viên	Ngoại ngữ	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
170	PTNN1014	Bàn, ghế dùng cho giáo viên	Ngoại ngữ	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
171	PTNN1015	Bàn, ghế dùng cho học sinh	Ngoại ngữ	24.00	24.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
172	PTNN1015	Bàn, ghế dùng cho học sinh	Ngoại ngữ	24.00	24.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
Sinh học							
173	PTSH2026	Cốc thủy tinh	Sinh học	8.00	8.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
174	PTSH2027	Đèn cồn	Sinh học	15.00	15.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
175	PTSH2030	Cối, chày sứ	Sinh học	8.00	8.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
176	PTSH2032	Kính hiển vi quang học	Sinh học	2.00	2.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
177	PTSH2033	Lam kính	Sinh học	6.00	6.00	Hộp	39/2021/TT-BGDĐT
178	PTSH2034	Lamen	Sinh học	6.00	6.00	Hộp	39/2021/TT-BGDĐT
179	PTSH2035	Lọ thủy tinh miệng hẹp	Sinh học	7.00	7.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
180	PTSH2036	Lọ thủy tinh miệng rộng	Sinh học	14.00	14.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
181	PTSH2037	Khay nhựa	Sinh học	8.00	8.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
182	PTSH2040	Đũa thủy tinh	Sinh học	14.00	14.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
183	PTSH2041	Ống nghiệm	Sinh học	50.00	50.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
184	PTSH2042	Giá để ống nghiệm	Sinh học	9.00	9.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
185	PTSH2043	Bộ đồ mổ	Sinh học	7.00	7.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
186	PTSH2045	Nhiệt kế đo thân nhiệt người	Sinh học	8.00	8.00	Chiếc	01/2010/TT-BGDĐT
187	PTSH2046	Cốc thủy tinh loại 250ml	Sinh học	10.00	10.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
188	PTSH2050	Axit Clohidric HCl	Sinh học	500.00	500.00	ml	01/2010/TT-BGDĐT
189	PTSH2064	Amoniac 10% NH3	Sinh học	100.00	100.00	ml	01/2010/TT-BGDĐT
190	PTSH2075	Panh kẹp	Sinh học	7.00	7.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
191	PTSHC2137	Bộ hóa chất xác định thành phần hóa học của tế bào	Sinh học	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
192	PTSHC2138	Bộ hóa chất làm tiêu bản, quan sát cấu trúc tế bào	Sinh học	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT

193	PTSHC2139	Bộ hóa chất xác định ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt tính enzyme	Sinh học	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
194	PTSHC2140	Bộ hóa chất làm tiêu bản NST, quan sát nguyên phân, giảm phân	Sinh học	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
195	PTSHC2141	Bộ hóa chất thực hành phương pháp nghiên cứu vi sinh vật	Sinh học	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
196	PTSHC2142	Bộ hóa chất tách chiết sắc tố trong lá cây và sự hình thành tinh bột.	Sinh học	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
197	PTSHC2143	Dung dịch dinh dưỡng	Sinh học	1.00	1.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
198	PTSHC2144	NaCl 0.65%	Sinh học	200.00	200.00	ml	39/2021/TT-BGDĐT
Sinh học chuyên							
199	PTSHC1011	Cần kỹ thuật	Sinh học chuyên	1.00	1.00	Cái	38/2011/TT-BGDĐT
200	PTSHC1038	Kim mũi mác	Sinh học chuyên	8.00	8.00	Cái	
201	PTSHC1043	Kéo cắt cây	Sinh học chuyên	1.00	1.00	Cái	38/2011/TT-BGDĐT
202	PTSHC1044	Dao con	Sinh học chuyên	1.00	1.00	Cái	38/2011/TT-BGDĐT
203	PTSHC1059	Huyết áp kế	Sinh học chuyên	2.00	2.00	Cái	38/2011/TT-BGDĐT
204	PTSHC1066	Bông thấm nước	Sinh học chuyên	1.00	1.00	Cái	38/2011/TT-BGDĐT
205	PTSHC1070	Giấy thấm	Sinh học chuyên	7.00	7.00	Cái	38/2011/TT-BGDĐT
206	PTSHC1082	Bộ tiêu bản tế bào động vật phân chia giảm phân	Sinh học chuyên	1.00	1.00	Cái	38/2011/TT-BGDĐT
207	PTSHC1083	Bộ tiêu bản tế bào rễ hành phân chia nguyên phân	Sinh học chuyên	1.00	1.00	Cái	38/2011/TT-BGDĐT
208	PTSHC1089	Đĩa petri nhựa	Sinh học chuyên	10.00	10.00	Cái	38/2011/TT-BGDĐT
209	PTSHC1106	Kẹp nhíp	Sinh học chuyên	3.00	3.00	Cái	38/2011/TT-BGDĐT
Thể dục							
210	PTTD2007	Vợt cầu lông	Thể dục	20.00	20.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
211	PTTD2010	Lưới cầu lông	Thể dục	4.00	4.00	Chiếc	01/2010/TT-BGDĐT
212	PTTD2012	Cột đa năng	Thể dục	2.00	2.00	Chiếc	01/2010/TT-BGDĐT
213	PTTD2019	Bóng chuyền	Thể dục	20.00	20.00	Quả	01/2010/TT-BGDĐT
214	PTTD2020	Cột bóng chuyền	Thể dục	6.00	6.00	Cái	01/2010/TT-BGDĐT
215	PTTD2021	Lưới bóng chuyền	Thể dục	2.00	2.00	Chiếc	01/2010/TT-BGDĐT
216	PTTD2022	Bóng đá	Thể dục	10.00	10.00	Quả	01/2010/TT-BGDĐT
Tin học							
217	PTTH1027	Điều hòa nhiệt độ hoặc Quạt điện	Tin học	3.00	3.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
218	PTTH1027	Điều hòa nhiệt độ hoặc Quạt điện	Tin học	3.00	3.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
219	PTTH1027	Điều hòa nhiệt độ hoặc Quạt điện	Tin học	3.00	3.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
220	PTTH1027	Điều hòa nhiệt độ hoặc Quạt điện	Tin học	2.00	2.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
221	PTTH2001	Máy vi tính	Tin học	48.00	48.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
222	PTTH2001	Máy vi tính	Tin học	48.00	48.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
223	PTTH2001	Máy vi tính	Tin học	47.00	47.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
224	PTTH2001	Máy vi tính	Tin học	45.00	45.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
225	PTTH2002	Máy chiếu (Projector)	Tin học	1.00	1.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
226	PTTH2007	Thiết bị kết nối mạng và đường truyền Internet	Tin học	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
227	PTTH2007	Thiết bị kết nối mạng và đường truyền Internet	Tin học	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
228	PTTH2007	Thiết bị kết nối mạng và đường truyền Internet	Tin học	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
229	PTTH2007	Thiết bị kết nối mạng và đường truyền Internet	Tin học	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
230	PTTH2008	Bàn để máy tính, ghế ngồi	Tin học	24.00	24.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
231	PTTH2008	Bàn để máy tính, ghế ngồi	Tin học	24.00	24.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT

232	PTTH2008	Bàn để máy tính, ghế ngồi	Tin học	24.00	24.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
233	PTTH2008	Bàn để máy tính, ghế ngồi	Tin học	24.00	24.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
234	PTTH2009	Hệ thống điện	Tin học	1.00	1.00	Hệ thống	39/2021/TT-BGDĐT
235	PTTH2009	Hệ thống điện	Tin học	1.00	1.00	Hệ thống	39/2021/TT-BGDĐT
236	PTTH2009	Hệ thống điện	Tin học	1.00	1.00	Hệ thống	39/2021/TT-BGDĐT
237	PTTH2009	Hệ thống điện	Tin học	1.00	1.00	Hệ thống	39/2021/TT-BGDĐT
238	PTTH2039	Switch/Hub	Tin học	2.00	2.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
239	PTTH2039	Switch/Hub	Tin học	2.00	2.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
240	PTTH2039	Switch/Hub	Tin học	2.00	2.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
241	PTTH2039	Switch/Hub	Tin học	2.00	2.00	Chiếc	39/2021/TT-BGDĐT
Toán							
242	PTTH2034	Bộ thiết bị để vẽ trên bảng trong dạy học toán	Toán	2.00	2.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
243	PTTH2035	Bộ thiết dạy học về các đường conic.	Toán	4.00	4.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
244	PTTH2036	Bộ thiết dạy học về hình chóp, hình chóp cụt, hình lăng trụ.	Toán	5.00	5.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
245	PTTH2037	Bộ thiết bị dạy học về Thống kê và Xác suất	Toán	8.00	8.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
Vật lý							
246	79PT0027	Bộ thí nghiệm Cơ học	Vật lý	18.00	18.00	Bộ	21/2020/QĐ-UBND
247	79PT0032	Bộ thí nghiệm Quang học	Vật lý	16.00	16.00	Bộ	21/2020/QĐ-UBND
248	PTVL2002	Trụ Φ10	Vật lý	6.00	6.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
249	PTVL2003	Trụ Φ8	Vật lý	5.00	5.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
250	PTVL2004	Đồng hồ đo thời gian hiện số	Vật lý	38.00	38.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
251	PTVL2007	Bảng thép	Vật lý	9.00	9.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
252	PTVL2008	Hộp quả nặng	Vật lý	22.00	22.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
253	PTVL2009	Biến thế nguồn	Vật lý	12.00	12.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
254	PTVL2010	Đồng hồ đo điện đa năng	Vật lý	8.00	8.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
255	PTVL2011	Điện kế chứng minh	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
256	PTVL2014	1- Khảo sát chuyển động rơi tự do, xác định gia tốc rơi tự do2- Chuyển động của vật trên mặt phẳng nghiêng. Xác định hệ số ma sát theo phương pháp động lực học	Vật lý	7.00	7.00	Bộ	
257	PTVL2015	Nghiệm qui tắc hợp lực đồng qui, song song □	Vật lý	5.00	5.00	Bộ	
258	PTVL2016	Xác định hệ số căng bề mặt của chất lỏng□	Vật lý	16.00	16.00	Bộ	
259	PTVL2017	Bộ thí nghiệm về dao động cơ học- Khảo sát chu kì dao động của con lắc đơn và con lắc lò xo.- Khảo sát dao động cưỡng bức và hiện tượng cộng hưởng.	Vật lý	16.00	16.00	Bộ	
260	PTVL2018	Bộ thí nghiệm đo vận tốc truyền âm trong không khí- Khảo sát hiện tượng sóng dừng trong ống khí.- Xác định vận tốc truyền âm trong không khí.	Vật lý	20.00	20.00	Bộ	
261	PTVL2021	Khảo sát lực quán tính li tâm□	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	
262	PTVL2025	Bộ thí nghiệm về sóng nước	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
263	PTVL2031	Khảo sát hiện tượng mao dẫn	Vật lý	2.00	2.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
264	PTVL2032	Bộ thí nghiệm về dòng điện không đổi1. Đo suất điện động và điện trở trong của nguồn điện2. Định luật Ôm cho toàn mạch3. Định luật Ôm cho đoạn mạch chứa nguồn điện4. Khảo sát đặc tính chỉnh lưu của diot bán dẫn5. Khảo sát đặc tính khuếch đại của tranzito	Vật lý	8.00	8.00	Bộ	
265	PTVL2033	Bộ thí nghiệm đo thành phần nam ngang của từ trường Trái Đất□	Vật lý	20.00	20.00	Bộ	
266	PTVL2034	Bộ thí nghiệm về mạch điện xoay chiều- Xác định dung kháng và cảm kháng trong mạch xoay chiều.- Khảo sát hiện tượng cộng hưởng điện.	Vật lý	20.00	20.00	Bộ	

267	PTVL2035	Bộ thí nghiệm điện tích - điện trường 1. Sự nhiễm điện do tiếp xúc, hưởng ứng 2. Hình dạng đường sức điện trường 3. Sự phân bố điện tích ở vật dẫn tích điện. Sự đẳng thế trên vật dẫn tích điện 4. Điện trường trong vật dẫn tích điện	Vật lý	2.00	2.00	Bộ	
268	PTVL2036	Bộ thí nghiệm về dòng điện trong các môi trường 1. Dòng nhiệt điện 2. Dòng điện trong chất điện phân 3. Dòng điện trong chất khí	Vật lý	2.00	2.00	Bộ	
269	PTVL2038	Bộ thí nghiệm lực từ và cảm ứng điện từ 1. Phương và chiều của lực từ. Quy tắc bàn tay trái 2. Độ lớn của lực từ. Khái niệm cảm ứng từ 3. Hiện tượng cảm ứng điện từ 4. Định luật Len-xơ 5. Dòng điện Fu-cô	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	
270	PTVL2039	Bộ thí nghiệm về hiện tượng tự cảm 1. Hiện tượng tự cảm khi đóng mạch 2. Hiện tượng tự cảm khi ngắt mạch	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	
271	PTVL2041	Bộ thí nghiệm về máy phát điện xoay chiều ba pha	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
272	PTVL2045	Bộ thí nghiệm xác định bước sóng của ánh sáng - Quan sát hiện tượng giao thoa ánh sáng qua khe Y-âng. - Đo bước sóng ánh sáng.	Vật lý	20.00	20.00	Bộ	
273	PTVL2046	Bộ thí nghiệm quang hình 21. Định luật khúc xạ ánh sáng 2. Hiện tượng phản xạ toàn phần 3. Lăng kính 4. Thấu kính	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	
274	PTVL2047	Bộ thí nghiệm về quang phổ	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	01/2010/TT-BGDĐT
275	PTVL2048	Biến áp nguồn	Vật lý	12.00	12.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
276	PTVL2052	Giá thí nghiệm	Vật lý	15.00	15.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
277	PTVL2053	Hộp quả treo	Vật lý	22.00	22.00	Hộp	39/2021/TT-BGDĐT
278	PTVL2054	Lò xo	Vật lý	15.00	15.00	Cái	39/2021/TT-BGDĐT
279	PTVL2055	Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
280	PTVL2056	Máy chiếu (hoặc Màn hình hiển thị)	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
281	PTVL2060	Thiết bị tổng hợp hai lực đồng quy và song song	Vật lý	5.00	5.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
282	PTVL2064	Con lắc lò xo, con lắc đơn.	Vật lý	16.00	16.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
283	PTVL2066	Thiết bị giao thoa sóng nước	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
284	PTVL2067	Thiết bị tạo sóng dừng	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
285	PTVL2068	Thiết bị đo tốc độ truyền âm	Vật lý	20.00	20.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
286	PTVL2069	Thiết bị thí nghiệm điện tích	Vật lý	2.00	2.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
287	PTVL2071	Thiết bị khảo sát nội năng	Vật lý	3.00	3.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
288	PTVL2072	Thiết bị khảo sát truyền nhiệt lượng	Vật lý	3.00	3.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
289	PTVL2073	Thiết bị đo nhiệt dung riêng	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
290	PTVL2077	Thiết bị xác định hướng của lực từ	Vật lý	1.00	1.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT
291	PTVL2080	Thiết bị khảo sát đoạn mạch điện xoay chiều	Vật lý	20.00	20.00	Bộ	39/2021/TT-BGDĐT

Số: /QĐ-THPT TTH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 12
sử dụng tại Trường THPT Tân Thông Hội từ năm học 2024 – 2025 (Có điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TÂN THÔNG HỘI

Căn cứ Quyết định số 1525/QĐ-UB ngày 18 tháng 4 năm 2003 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho phép thành lập Trường Trung học Phổ thông Tân Thông Hội trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình tổng thể và Chương trình môn học/hoạt động giáo dục;

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Phê duyệt SGK lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Bộ phận chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo quyết định này Danh mục sách giáo khoa lớp 12 sử dụng tại Trường THPT Tân Thông Hội từ năm học 2024 – 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng văn phòng, nhân viên quản lý thư viện; các tổ chuyên môn và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GDTrH – Sở GD-ĐT;
- Lãnh đạo nhà trường;
- Như Điều 3;
- CMHS, HS;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Châu Văn Khoản

DANH MỤC
Sách giáo khoa lớp 12 sử dụng
tại Trường THPT Tân Thông Hội từ năm học 2024 – 2025 (Có điều chỉnh)
(Đính kèm theo Quyết định số /QĐ-THPT TTH ngày tháng năm 2024
của Trường THPT Tân Thông Hội)

Stt	Tên sách (tên bộ sách)	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 12, Tập 1 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
	Toán 12, Tập 2 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên)	
	Chuyên đề học tập Toán 12 (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên)	
2	Ngữ văn 12, Tập 1 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 12, Tập 2 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên)	
	Chuyên đề học tập Ngữ Văn 12 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thành Thi (Chủ biên)	
3	Tiếng Anh 12 Friends Global	Vũ Mỹ Lan (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Cầu lông 12 (Cánh diều)	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên)	NXB Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – thiết bị giáo dục Việt Nam
5	Bóng chuyền 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử 12 (Chân trời sáng tạo)	Hà Minh Hồng (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Chân trời sáng tạo)	Hà Minh Hồng (Chủ biên)	
7	Địa lí 12 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên)	
8	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 (Cánh diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	NXB Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – thiết bị giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 (Cánh diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên)	
9	Vật lí 12 (Chân trời sáng tạo)	Phạm Nguyễn Thành Vinh; Phùng Việt Hải (Đồng chủ biên),	NXB Giáo dục Việt Nam

	Chuyên đề học tập Vật lí 12 (Chân trời sáng tạo)	Phạm Nguyễn Thành Vinh; Phùng Việt Hải (Đồng chủ biên),	
10	Hóa học 12 (Cánh Diều)	Trần Thành Huế (Tổng Chủ biên)	NXB Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – thiết bị giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Hóa học 12 (Cánh diều)	Trần Thành Huế (Tổng Chủ biên)	
11	Sinh học 12 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Xuân Tám (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Sinh học 12 (Chân trời sáng tạo)	Tổng Xuân Tám (Chủ biên)	
12	Tin học 12, định hướng tin học ứng dụng (Chân trời sáng tạo)	Hoàng Văn Kiêm (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Tin học 12, định hướng tin học ứng dụng (Chân trời sáng tạo)	Hoàng Văn Kiêm (Tổng Chủ biên)	
13	Công nghệ 12, công nghệ Điện-Điện tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, công nghệ Điện-Điện tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	
14	Công nghệ 12, Lâm nghiệp - Thủy sản (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, Lâm nghiệp - Thủy sản (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	
15	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (Đồng Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam

Danh mục gồm 15 SGK lớp 12 năm học 2024 – 2025./.

HIỆU TRƯỞNG

Châu Văn Khoản

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA (TỪ 11A1-11A7)

STT	MÔN	TÊN SÁCH	NXB	Ghi chú
01	Toán 11	Toán 11, Tập 1, 2 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
02		Chuyên đề học tập Toán 11 (Chân trời sáng tạo)		
03	Ngữ văn 11	Ngữ văn 11, Tập 1,2 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
04		Chuyên đề học tập Ngữ Văn 11 (Chân trời sáng tạo)		
05	Tiếng Anh 11	Tiếng Anh Friends Global - Student book 11	NXB Giáo dục Việt Nam	
06	Tiếng Anh 11	Tiếng Anh Friends Global Work book 11	NXB Giáo dục Việt Nam	
07	Lịch sử 11	Lịch sử 11 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
08	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Chân trời sáng tạo 1)	NXB Giáo dục Việt Nam	
09	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 (Cánh diều)	NXB Đại học Sư phạm	
10	Tin học 11	Tin học 11 - Tin học ứng dụng (Cánh diều)	NXB Công ty cổ phần đầu tư xuất bản - thiết bị giáo dục Việt Nam	
11	Địa lý 11	Địa lí 11 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
12		Chuyên đề học tập Địa lí 11 (Chân trời sáng tạo)		
13	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
14	Công nghệ 11	Công nghệ 11: Công nghệ cơ khí (Cánh diều)	NXB Công ty cổ phần đầu tư xuất bản - thiết bị giáo dục Việt Nam	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA (TỪ 11A8- 11A12)

STT	MÔN	TÊN SÁCH	NXB	Ghi chú
01	Toán 11	Toán 11, Tập 1, 2 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
02		Chuyên đề học tập Toán 11 (Chân trời sáng tạo)		
03	Ngữ văn 11	Ngữ văn 11, Tập 1,2 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
04	Tiếng Anh 11	Tiếng Anh Friends Global - Student book 11	NXB Giáo dục Việt Nam	
05	Tiếng Anh 11	Tiếng Anh Friends Global Work book 11	NXB Giáo dục Việt Nam	
06	Lịch sử 11	Lịch sử 11 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
07	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Chân trời sáng tạo 11)	NXB Giáo dục Việt Nam	
08	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 (Cánh diều)	NXB Đại học Sư phạm	
09	Tin học 11	Tin học 11 - Tin học ứng dụng (Cánh diều)	NXB Công ty cổ phần đầu tư xuất bản - thiết bị giáo dục Việt Nam	
10	Vật lý 11	Vật lý 11 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
11		Chuyên đề học tập Vật lý 11 (Chân trời sáng tạo)		
12	Hóa học 11	Hóa học 11 (Cánh diều)	NXB Công ty cổ phần đầu tư xuất bản - thiết bị giáo dục Việt Nam	
13		Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Cánh diều)		
14	Sinh học 11	Sinh học 11 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA (TỪ 11A13- 11A14)

STT	MÔN	TÊN SÁCH	NXB	Ghi chú
01	Toán 11	Toán 11, Tập 1, 2 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
02		Chuyên đề học tập Toán 11 (Chân trời sáng tạo)		
03	Ngữ văn 11	Ngữ văn 11, Tập 1,2 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
04	Tiếng Anh 11	Tiếng Anh Friends Global - Student book 11	NXB Giáo dục Việt Nam	
05	Tiếng Anh 11	Tiếng Anh Friends Global Work book 11	NXB Giáo dục Việt Nam	
06	Lịch sử 11	Lịch sử 11 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
07	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Chân trời sáng tạo 1)	NXB Giáo dục Việt Nam	
08	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 (Cánh diều)	NXB Đại học Sư phạm	
09	Tin học 11	Tin học 11 - Tin học ứng dụng (Cánh diều)	NXB Công ty cổ phần đầu tư xuất bản - thiết bị giáo dục Việt Nam	
10	Vật lý 11	Vật lí 11 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
11	Hóa học 11	Hóa học 11 (Cánh diều)	NXB Công ty cổ phần đầu tư xuất bản - thiết bị giáo dục Việt Nam	
12		Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Cánh diều)		
13	Sinh học 11	Sinh học 11 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
14		Chuyên đề học tập Sinh học 11 (Chân trời sáng tạo)		

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA (TỪ 10A1-10A5)

STT	MÔN	TÊN SÁCH	NXB	Ghi chú
01	Toán 10	Toán 10, Tập 1, 2 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
02		Chuyên đề học tập Toán 10 (Chân trời sáng tạo)		
03	Ngữ văn 10	Ngữ văn 10, Tập 1,2 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
04		Chuyên đề học tập Ngữ Văn 10 (Chân trời sáng tạo)		
05	Tiếng Anh 10	Tiếng Anh Friends Global - Student book 10	NXB Giáo dục Việt Nam	
06	Tiếng Anh 10	Tiếng Anh Friends Global Work book 10	NXB Giáo dục Việt Nam	
07	Lịch sử 10	Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
08	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Chân trời sáng tạo 1)	NXB Giáo dục Việt Nam	
09	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 (Cánh diều)	NXB Đại học Sư phạm	
10	Tin học 10	Tin học 10 (Kết nối tri thức)	NXB Giáo dục Việt Nam	
11	Địa lý 10	Địa lí 10 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
12		Chuyên đề học tập Địa lí 10 (Chân trời sáng tạo)		
13	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
14	Công nghệ 10	Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB Giáo dục Việt Nam	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA (TỪ 10A6- 10A11)

STT	MÔN	TÊN SÁCH	NXB	Ghi chú
01	Toán 10	Toán 10, Tập 1, 2 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
02		Chuyên đề học tập Toán 10 (Chân trời sáng tạo)		
03	Ngữ văn 10	Ngữ văn 10, Tập 1,2 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
04	Tiếng Anh 10	Tiếng Anh Friends Global - Student book 10	NXB Giáo dục Việt Nam	
05	Tiếng Anh 10	Tiếng Anh Friends Global Work book 10	NXB Giáo dục Việt Nam	
06	Lịch sử 10	Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
07	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Chân trời sáng tạo 1)	NXB Giáo dục Việt Nam	
08	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 (Cánh diều)	NXB Đại học Sư phạm	
09	Tin học 10	Tin học 10 (Kết nối tri thức)	NXB Giáo dục Việt Nam	
10	Vật lý 10	Vật lí 10 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
11		Chuyên đề học tập Vật lí 10 (Chân trời sáng tạo)		
12	Hóa học 10	Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
13		Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo)		
14	Sinh học 10	Sinh học 10 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA (TỪ 10A12- 10A13)

STT	MÔN	TÊN SÁCH	NXB	Ghi chú
01	Toán 10	Toán 10, Tập 1, 2 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
02		Chuyên đề học tập Toán 10 (Chân trời sáng tạo)		
03	Ngữ văn 10	Ngữ văn 10, Tập 1,2 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
04	Tiếng Anh 10	Tiếng Anh 10 Friends Global	NXB Giáo dục Việt Nam	
05	Tiếng Anh 10	Tiếng Anh 10 Friends Global Work book	NXB Giáo dục Việt Nam	
06	Lịch sử 10	Lịch sử 10 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
07	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Chân trời sáng tạo 1)	NXB Giáo dục Việt Nam	
08	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 (Cánh diều)	NXB Đại học Sư phạm	
09	Tin học 10	Tin học 10 (Kết nối tri thức)	NXB Giáo dục Việt Nam	
10	Vật lý 10	Vật lý 10 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
11	Hóa học 10	Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
12		Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Chân trời sáng tạo)		
13	Sinh học 10	Sinh học 10 (Chân trời sáng tạo)	NXB Giáo dục Việt Nam	
14		Chuyên đề học tập Sinh học 10 (Chân trời sáng tạo)		

Số: 265/KH-TTH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH
CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
Năm học 2023 – 2024

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để thực hiện trong năm học 2023-2024 nhằm đưa ra các giải pháp phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Kế hoạch phải cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Báo cáo tự đánh giá (giai đoạn từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 - 2023 của Trường).

2. Báo cáo đánh giá ngoài.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn hiện hành (Thông tư số 18/2018/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, văn bản 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 về Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông).

4. Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng của nhà trường đã đạt được trong năm học 2022– 2023;

5. Chủ trương, định hướng, giải pháp trọng tâm của địa phương, ngành và nhà trường.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả cần đạt (so với hiện trạng)	Công việc/giải pháp cần thực hiện	Chủ trì và phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Dự kiến kinh phí	Điều kiện hỗ trợ khác	Ghi chú
MỨC 1, 2, 3								
1	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường							
	Tiêu chí 1.1	Đạt mức 3 (hiện trạng)	Tổ chức hội nghị lấy ý kiến của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân	Hiệu trưởng, Hội	Trong năm 2023 -		Cha mẹ học sinh và học	

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả cần đạt (so với hiện trạng)	Công việc/giải pháp cần thực hiện	Chủ trì và phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Dự kiến kinh phí	Điều kiện hỗ trợ khác	Ghi chú
		mức 2)	viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng để có sự rà soát, điều chỉnh và bổ sung chiến lược nhà trường cho phù hợp với tình hình thực tế. Trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển, nhà trường sẽ tổ chức sơ kết theo định kỳ, rút ra những ưu điểm và hạn chế trên cơ sở các ý kiến góp ý để bổ sung và điều chỉnh nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển.	đồng trường	2024		sinh	
	Tiêu chí 1.4	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng và tổ chức sinh hoạt các chuyên đề chuyên môn thường xuyên, nhất là các chuyên đề về đổi mới kiểm tra đánh giá và nâng cao chất lượng kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia. Xây dựng và triển khai kế hoạch cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường để các tổ có sự chuẩn bị chu đáo cho năm học sau. Trên cơ sở đó, tuyển chọn những sản phẩm có chất lượng tham dự cấp Thành phố, đồng thời, nhân rộng phong trào nghiên cứu khoa học trong học sinh.	Hiệu trưởng, Phó HT chuyên môn, TTCM	Trong năm 2023 - 2024		Nguồn tài trợ giáo dục	
	Tiêu chí 1.5	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Xây dựng kế hoạch tuyển sinh đầu cấp, tiếp tục tham mưu UBND huyện đầu tư xây dựng thêm phòng học, cân đối giữa số phòng học và phòng bộ môn, đảm bảo không quá 40 học sinh trong một lớp.	Hiệu trưởng	Trong năm 2023 - 2024		UBND huyện Củ Chi đầu tư	
	Tiêu chí 1.6	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Đề ra kế hoạch ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.	Hiệu trưởng, kế toán	Trong năm 2023 - 2024		Cha mẹ học sinh tài trợ	
	Tiêu chí 1.10	Đạt mức 2 (hiện trạng mức 2)	Trang bị hệ thống camera giám sát	Hiệu trưởng, phó HT CSVC	Trong năm 2023 - 2024	200.000.000đ		
2	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên							
	Tiêu chí 2.1	Đạt mức 3 (hiện trạng)	Chỉ đạo văn thư thiết lập hồ sơ hành chính đầy đủ theo quy định.	Hiệu trưởng, văn thư	Trong năm 2023 -		Văn phòng Sở hướng	

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả cần đạt (so với hiện trạng)	Công việc/giải pháp cần thực hiện	Chủ trì và phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Dự kiến kinh phí	Điều kiện hỗ trợ khác	Ghi chú
		mức 2)			2024		dẫn quy trình	
	Tiêu chí 2.2	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên như tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp sau đại học và các lớp bồi dưỡng chuyên môn. Quan tâm, tạo điều kiện để giáo viên học tập nâng cao trình độ, có nhiều biện pháp tích cực trong việc bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên; Xây dựng kế hoạch cụ thể, động viên giáo viên mạnh dạn hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học.	Hiệu trưởng, phó Ht chuyên môn, TTCM	Trong năm 2023 - 2024			
	Tiêu chí 2.3	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Phân công giáo viên kiêm nhiệm thiết bị phụ trách các phòng bộ môn, tiếp tục tạo điều kiện cho nhân viên thư viện tham gia các lớp học nâng cao trình độ.	Hiệu trưởng	Trong năm 2023 - 2024			
	Tiêu chí 2.4	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Tiếp tục đẩy mạnh chất lượng hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để giáo dục học sinh, nhằm nâng cao ý thức, hành vi, ngôn ngữ ứng xử tốt. Chỉ đạo giáo viên phụ trách pháp luật tổ chức nhiều chuyên đề về pháp luật để giới thiệu đến học sinh, giúp các em hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình đối với gia đình, nhà trường và xã hội. Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn quan tâm sâu sát đến học sinh. Giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch chủ nhiệm cụ thể, chú trọng các giải pháp hướng dẫn học sinh về phương pháp tự học.	Hiệu trưởng, cán bộ pháp chế, GVCN	Trong năm 2023 - 2024		Sự phối hợp của cha mẹ học sinh	
3	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học							
	Tiêu chí 3.1	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Cải tạo, nâng cấp hệ thống hàng rào bao quanh trường, 2 cổng bảo vệ	Hiệu trưởng	Trong năm 2023 - 2024	1.000.000.000đ	UBND huyện Củ Chi đầu tư	
	Tiêu chí 3.2	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Tham mưu UBND đầu tư xây dựng thêm phòng học bộ môn, Các hạng mục công trình trực tiếp phục vụ hoạt động dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục bảo đảm điều kiện cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng.	Hiệu trưởng, phó HT CSVC	Trong năm 2023 - 2024	100.000.000đ	UBND huyện Củ Chi đầu tư	

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả cần đạt (so với hiện trạng)	Công việc/giải pháp cần thực hiện	Chủ trì và phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Dự kiến kinh phí	Điều kiện hỗ trợ khác	Ghi chú
			Trang bị thiết bị dạy học đầy đủ cho các phòng học bộ môn Trang bị rèm cho các phòng bộ môn, phòng chức năng					
	Tiêu chí 3.3	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Xây dựng kế hoạch đề xuất Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc hỗ trợ kinh phí sửa chữa, mở rộng nhà để xe học sinh (theo chương trình Nông thôn mới). Cải tạo nhà xe giáo viên	Hiệu trưởng	Trong năm 2023 - 2024	100.000.000đ	UBND huyện Củ Chi đầu tư	
	Tiêu chí 3.4	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Tiếp tục chỉ đạo các bộ phận, học sinh thực hiện tốt công tác phân loại rác thải tại nguồn Chỉ đạo tổ giám thị thường xuyên theo dõi tình hình học sinh nhất là giờ ra chơi, áp dụng hình phạt nếu phát hiện các em bỏ rác không đúng nơi quy định.	Hiệu trưởng, giám thị	Trong năm 2023 - 2024			
	Tiêu chí 3.5	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Chỉ đạo các tổ bộ môn, giáo viên phụ trách phòng học bộ môn đề xuất mua sắm thêm các trang thiết bị và chỉ đạo các tổ chuyên môn bổ sung đồ dùng dạy học tự làm có chất lượng, phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy. Trang bị thiết bị dạy học đầy đủ cho các phòng học bộ môn	Hiệu trưởng, phó HT CSVC, TTCM, GV phụ trách phòng	Trong năm 2023 - 2024	200.000.000đ		
	Tiêu chí 3.6	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Thiết kế thêm không gian mở cho thư viện đảm bảo đủ chỗ cho giáo viên và học sinh đọc sách	Hiệu trưởng, nhân viên thư viện	Trong năm 2023 - 2024	100.000.000đ		
4	Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội							
	Tiêu chí 4.1	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Tiếp tục phối hợp cùng với các giáo viên chủ nhiệm chủ động thông tin với cha mẹ học sinh để truyền đạt các nội dung hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh và đề xuất các biện pháp giáo dục học sinh một cách hiệu quả.	Hiệu trưởng, GVCN	Trong năm 2023 - 2024		Cha mẹ học sinh	
	Tiêu chí 4.2	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Tiếp tục phối hợp với các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương trong công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân	Nhà trường, GVCN, TLTN,	Trong năm 2023 - 2024		Các cấp chính quyền địa phương	

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả cần đạt (so với hiện trạng)	Công việc/giải pháp cần thực hiện	Chủ trì và phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Dự kiến kinh phí	Điều kiện hỗ trợ khác	Ghi chú
			tộc, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao cho các em học sinh. Song song đó ban lãnh đạo nhà trường, giáo viên, nhân viên cố gắng huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Tiếp tục tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với tổ chức cá nhân trong chiến lược phát triển nhà trường để trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục nổi bật của địa phương.	Bt CĐGV				
5	Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục							
	Tiêu chí 5.1	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Tiếp tục phối hợp các trung tâm Tin học tổ chức các lớp bồi dưỡng về công nghệ thông tin cho giáo viên. Xây dựng kế hoạch năm học trong đó có yêu cầu mỗi giáo viên thao giảng ít nhất 2 tiết/năm, có ứng dụng công nghệ thông tin.	Ban lãnh đạo	Trong năm 2023 - 2024		Trung tâm tin học	
	Tiêu chí 5.2	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	- Chỉ đạo tổ Thể dục - Quốc phòng xây dựng kế hoạch cụ thể và thực hiện rèn luyện dài hạn cho học sinh để giúp học sinh có đủ năng lực tham gia các giải thể thao cấp thành phố đạt hiệu quả. - Chỉ đạo các tổ chuyên môn tập trung xây dựng kế hoạch, nâng cao chất lượng dạy học bộ môn. Tổ chức các chuyên đề, hội giảng để giáo viên được học tập, trao đổi, rút kinh nghiệm nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi. - Chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chuyên môn tiếp tục tăng cường công tác tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu bằng cách tạo nguồn kinh phí khen thưởng, có chế độ khuyến khích các em tham gia đội tuyển học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.	Hiệu trưởng, tổ TD-QP	Trong năm 2023 - 2024			
	Tiêu chí 5.5	Đạt mức 3 (hiện trạng)	Chỉ đạo các tổ Vật lý, Hóa học, Sinh học – Công nghệ xây dựng kế hoạch hướng dẫn học sinh	Hiệu trưởng, TTCM	Trong năm 2023 -			

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả cần đạt (so với hiện trạng)	Công việc/giải pháp cần thực hiện	Chủ trì và phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Dự kiến kinh phí	Điều kiện hỗ trợ khác	Ghi chú
		mức 2)	nghiên cứu khoa học. Sử dụng kinh phí hoạt động từ nguồn kinh phí thường xuyên, xã hội hóa để hỗ trợ giáo viên và học sinh thực hiện các đề tài nghiên cứu. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nêu gương, khen thưởng nhằm tạo động lực cho giáo viên và học sinh tham gia nghiên cứu khoa học.		2024			
	Tiêu chí 5.6	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	- Tăng cường nề nếp, kỷ cương; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; quan tâm phát triển phẩm chất, năng lực người học; đổi mới hoạt động giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo viên, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chủ yếu và các nhóm giải pháp cơ bản bằng những hoạt động thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế; - Đẩy mạnh đổi mới hoạt động dạy học theo định hướng giáo dục STEM, nâng cao năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; tiếp tục tổ chức dạy học hiệu quả với đa dạng các hình thức, phương pháp dạy học; tích cực chủ động công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực giảng dạy cho giáo viên; - Đẩy mạnh công tác phối hợp 3 môi trường giáo dục để tuyên truyền, vận động học sinh không bỏ học giữa chừng; tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, các lớp phụ đạo học sinh yếu.	Hiệu trưởng, GVCN, giám thị, TTCM, GV	Trong năm 2023 - 2024		Gia đình, chính quyền địa phương	

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá

Xây dựng các kế hoạch nhằm thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục.

Tăng cường chỉ đạo các cá nhân, bộ phận và các đoàn thể trong nhà trường thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá

Theo dõi tiến độ đánh giá và thực hiện kế hoạch cải tiến giáo dục được phân công, thực hiện lại các bước đánh giá các tiêu chí được phân công.

3. Tổ Giám sát kế hoạch cải tiến chất lượng

Báo cáo định kỳ kết quả giám sát và kiến nghị dựa trên kết quả giám sát cho Hội đồng tự đánh giá.

4. Cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo yêu cầu của Chủ tịch hội đồng TĐG và các thành viên Hội đồng tự đánh giá.
- Tham gia giám sát kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường theo đúng tiến độ.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để b/c);
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Châu Văn Khoản

Số: 288 /KH-TTH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH
Cải tiến chất lượng giáo dục, năm học 2022 – 2023

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để thực hiện trong năm học 2022-2023 nhằm đưa ra các giải pháp phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Kế hoạch phải cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Báo cáo tự đánh giá (giai đoạn từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 - 2023 của Trường).

2. Báo cáo đánh giá ngoài.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn hiện hành (Thông tư số 18/2018/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Văn bản số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông).

4. Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng của nhà trường đã đạt được trong năm học 2022– 2023;

5. Chủ trương, định hướng, giải pháp trọng tâm của địa phương, ngành và nhà trường.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả cần đạt (so với hiện trạng)	Công việc/giải pháp cần thực hiện	Chủ trì và phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Dự kiến kinh phí	Điều kiện hỗ trợ khác	Ghi chú
MỨC 1, 2, 3								
1	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường							
	Tiêu chí 1.1	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Tổ chức hội nghị lấy ý kiến của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng để có sự rà soát, điều chỉnh và	Hiệu trưởng, Hội đồng trường	Từ năm học 2023 - 2024			

			bổ sung chiến lược nhà trường cho phù hợp với tình hình thực tế. Trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển, nhà trường sẽ tổ chức sơ kết theo định kỳ, rút ra những ưu điểm và hạn chế trên cơ sở các ý kiến góp ý để bổ sung và điều chỉnh nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển.					
	Tiêu chí 1.4	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng và tổ chức sinh hoạt các chuyên đề chuyên môn thường xuyên, nhất là các chuyên đề về đổi mới kiểm tra đánh giá và nâng cao chất lượng kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia. Xây dựng và triển khai kế hoạch cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường để các tổ có sự chuẩn bị chu đáo cho năm học sau. Trên cơ sở đó, tuyển chọn những sản phẩm có chất lượng tham dự cấp Thành phố, đồng thời, nhân rộng phong trào nghiên cứu khoa học trong học sinh.	Hiệu trưởng, Phó HT chuyên môn, TTCM	Từ năm học 2022 - 2023			
	Tiêu chí 1.5	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Xây dựng kế hoạch tuyển sinh đầu cấp, tham mưu UBND huyện đầu tư xây dựng thêm phòng học, cân đối giữa số phòng học và phòng bộ môn, đảm bảo không quá 40 học sinh trong một lớp.	Hiệu trưởng	Từ năm học 2023 – 2024 trở đi		UBND huyện Củ Chi	
	Tiêu chí 1.6	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Đề ra kế hoạch ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.	Hiệu trưởng, kế toán	Đầu năm học 2022 - 2023			
	Tiêu chí 1.10	Đạt mức 2 (hiện trạng mức 2)	Trang bị hệ thống camera giám sát	Hiệu trưởng, phó HT CSVC	Từ năm học 2023 – 2024 trở đi	200.000 .000đ		
2	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên							
	Tiêu chí 2.1	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Xây dựng kế hoạch tự kiểm tra quản lý hành chính và thường xuyên chỉ đạo văn thư thiết lập hồ sơ hành chính đầy đủ theo quy định.	Hiệu trưởng, văn thư	Từ năm học 2022 - 2023			
	Tiêu chí 2.2	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên như tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp sau đại học và các lớp bồi dưỡng chuyên môn. Quan tâm, tạo điều kiện để giáo viên học tập nâng cao trình độ, có nhiều biện pháp tích cực trong việc bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên;	Hiệu trưởng, phó Ht chuyên môn, TTCM	Từ năm học 2022 - 2023			

			Xây dựng kế hoạch cụ thể, động viên giáo viên mạnh dạn hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học.					
	Tiêu chí 2.3	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Tuyển dụng bổ sung thêm nhân viên thiết bị, tiếp tục tạo điều kiện cho nhân viên y tế và nhân viên thư viện tham gia các lớp học nâng cao trình độ.	Hiệu trưởng	Từ năm học 2022 - 2023			
	Tiêu chí 2.4	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Đẩy mạnh chất lượng hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để giáo dục học sinh, nhằm nâng cao ý thức, hành vi, ngôn ngữ ứng xử tốt. Chỉ đạo giáo viên phụ trách pháp luật tổ chức nhiều chuyên đề về pháp luật để giới thiệu đến học sinh, giúp các em hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình đối với gia đình, nhà trường và xã hội. Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn quan tâm sâu sát đến học sinh. Giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch chủ nhiệm cụ thể, chú trọng các giải pháp hướng dẫn học sinh về phương pháp tự học.	Hiệu trưởng, cán bộ pháp chế, GVCN	Từ năm học 2022 - 2023		Sự phối hợp của cha mẹ học sinh	
3	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học							
	Tiêu chí 3.2	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Xây dựng kế hoạch trang bị máy tính, tivi đầy đủ cho các phòng bộ môn và phòng học Trang bị hệ thống mạng LAN tất cả các máy tính	Hiệu trưởng, phó HT CSVC	Năm học 2022 - 2023	700.000.000đ		
	Tiêu chí 3.3	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Xây dựng kế hoạch đề xuất Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc hỗ trợ kinh phí sửa chữa, mở rộng nhà để xe học sinh (theo chương trình Nông thôn mới).	Hiệu trưởng	Từ năm học 2023 - 2024	100.000.000đ		
	Tiêu chí 3.4	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Lập kế hoạch xây dựng mái che khu tập kết rác Chỉ đạo các bộ phận, học sinh thực hiện tốt công tác phân loại rác thải tại nguồn Trang bị thêm thùng rác tại các khu vực sân chơi bãi tập Chỉ đạo tổ giám thị thường xuyên theo dõi tình hình học sinh nhất là giờ ra chơi, áp dụng hình phạt nếu phát hiện các em bỏ rác không đúng nơi quy định.	Hiệu trưởng, giám thị	Năm học 2023 - 2024			
	Tiêu chí 3.5	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Chỉ đạo các tổ bộ môn, giáo viên phụ trách phòng học bộ môn đề xuất mua sắm thêm các trang thiết bị và chỉ đạo các tổ chuyên môn bổ sung đồ dùng dạy học tự làm có chất lượng, phục vụ hiệu quả cho	Hiệu trưởng, phó HT CSVC, TTCM, GV phụ	Năm học 2022 - 2023	50.000.000đ		

			công tác giảng dạy.	trách phòng				
	Tiêu chí 3.6	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Lập kế hoạch trang bị hệ thống máy tính cho thư viện để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.	Hiệu trưởng, nhân viên thư viện	Từ năm học 2022 - 2023	100.000 .000đ		
4	Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội							
	Tiêu chí 4.1	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Phối hợp cùng với các giáo viên chủ nhiệm chủ động thông tin với cha mẹ học sinh để truyền đạt các nội dung hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh và đề xuất các biện pháp giáo dục học sinh một cách hiệu quả.	Hiệu trưởng, GVCN	Từ năm học 2022 - 2023		Cha mẹ học sinh	
	Tiêu chí 4.2	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Phối hợp với các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương trong công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao cho các em học sinh. Song song đó ban lãnh đạo nhà trường, giáo viên, nhân viên cố gắng huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Tiếp tục tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với tổ chức cá nhân trong chiến lược phát triển nhà trường để trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục nổi bật của địa phương.	Nhà trường, GVCN, TLTN, BTCĐ GV	Từ năm học 2022 - 2023		Các cấp chính quyền địa phương	
5	Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục							
	Tiêu chí 5.1	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Phối hợp các trung tâm Tin học tổ chức các lớp bồi dưỡng về công nghệ thông tin cho giáo viên. Xây dựng kế hoạch năm học trong đó có yêu cầu mỗi giáo viên thao giảng ít nhất 2 tiết/năm, có ứng dụng công nghệ thông tin.	Ban lãnh đạo	Năm học 2022 - 2023		Trung tâm tin học	
	Tiêu chí 5.2	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	- Chỉ đạo tổ Thể dục - Quốc phòng xây dựng kế hoạch cụ thể và thực hiện rèn luyện dài hạn cho học sinh để giúp học sinh có đủ năng lực tham gia các giải thể thao cấp thành phố đạt hiệu quả. - Chỉ đạo các tổ chuyên môn tập trung xây dựng kế hoạch, nâng cao chất lượng dạy học bộ môn. Tổ chức các chuyên đề, hội giảng để giáo viên được học tập, trao đổi, rút kinh nghiệm nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi. - Chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chuyên	Hiệu trưởng, tổ TD-QP	Từ năm học 2022 - 2023			

			môn tiếp tục tăng cường công tác tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu bằng cách tạo nguồn kinh phí khen thưởng, có chế độ khuyến khích các em tham gia đội tuyển học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.					
	Tiêu chí 5.5	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	Chỉ đạo các tổ Vật lý, Hóa học, Sinh học – Công nghệ xây dựng kế hoạch hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Sử dụng kinh phí hoạt động từ nguồn kinh phí thường xuyên, xã hội hóa để hỗ trợ giáo viên và học sinh thực hiện các đề tài nghiên cứu. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nêu gương, khen thưởng nhằm tạo động lực cho giáo viên và học sinh tham gia nghiên cứu khoa học.	Hiệu trưởng, TTCM	Năm học 2023 - 2024			
	Tiêu chí 5.6	Đạt mức 3 (hiện trạng mức 2)	- Tăng cường nề nếp, kỷ cương; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; quan tâm phát triển phẩm chất, năng lực người học; đổi mới hoạt động giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo viên, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chủ yếu và các nhóm giải pháp cơ bản bằng những hoạt động thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế; - Đẩy mạnh đổi mới hoạt động dạy học theo định hướng giáo dục STEM, nâng cao năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; tiếp tục tổ chức dạy học hiệu quả với đa dạng các hình thức, phương pháp dạy học; tích cực chủ động công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực giảng dạy cho giáo viên; - Đẩy mạnh công tác phối hợp 3 môi trường giáo dục để tuyên truyền, vận động học sinh không bỏ học giữa chừng; tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, các lớp phụ đạo học sinh yếu.	Hiệu trưởng, GVCN, giám thị, TTCM, GV	Từ năm học 2022 - 2023		Gia đình, chính quyền địa phương	

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá

Xây dựng các kế hoạch nhằm thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục.

Tăng cường chỉ đạo các cá nhân, bộ phận và các đoàn thể trong nhà trường thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá

Theo dõi tiến độ đánh giá và thực hiện kế hoạch cải tiến giáo dục được phân công, thực hiện lại các bước đánh giá các tiêu chí được phân công.

3. Tổ Giám sát kế hoạch cải tiến chất lượng

Báo cáo định kỳ kết quả giám sát và kiến nghị dựa trên kết quả giám sát cho Hội đồng tự đánh giá.

4. Cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo yêu cầu của Chủ tịch hội đồng TĐG và các thành viên Hội đồng tự đánh giá.

- Tham gia giám sát kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường theo đúng tiến độ./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để b/c);
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Châu Văn Khoãn

Số: 2692/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về công nhận Trường Trung học phổ thông Tân Thông Hội
đạt chuẩn quốc gia mức độ 1

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2221/TTr-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 16 tháng 7 năm 2020 về đề nghị công nhận trường đạt chuẩn quốc gia,

QUYẾT ĐỊNH:

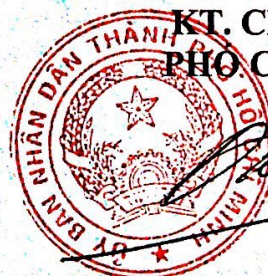
Điều 1. Nay công nhận Trường Trung học phổ thông Tân Thông Hội đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo Trường Trung học phổ thông Tân Thông Hội tiếp tục phát huy thành tích đã đạt được; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đồng thời xây dựng những trường mới đạt tiêu chuẩn quy định và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành giáo dục và đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Tân Thông Hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTUB: CT, các PCT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- VPUB: Các PVP;
- Phòng VX;
- Lưu VT, (VX-VN) *lv*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Anh Đức

Số: /KH-THPT TTH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Tuyển sinh lớp 10 Trường THPT Tân Thông Hội, năm học 2024 – 2025

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo;

Căn cứ Hướng dẫn số 4061/SGDĐT-KTKĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố về hướng dẫn nộp hồ sơ trúng tuyển Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2024 – 2025;

Trường THPT Tân Thông Hội xây dựng Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024 – 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

Tạo điều kiện tốt nhất để học sinh trúng tuyển được tham gia học tập, sinh hoạt tại trường.

Tổ chức tuyển sinh đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

II. CÔNG TÁC TUYỂN SINH

1. Thành phần Ban tuyển sinh 10

Theo Quyết định số 2164/QĐ-SGDĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Sở Giáo dục và đào tạo Thành phố về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh lớp 10 năm học 2024 – 2025 đối với 108 đơn vị công lập trực thuộc.

2. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh trong độ tuổi quy định của Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đã tham gia kỳ thi tuyển sinh và trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Tân Thông Hội năm học 2024 – 2025.

Học sinh thuộc diện tuyển thẳng.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh

Số lớp: 13 lớp (dự kiến).

Số học sinh: 585 học sinh (dự kiến).

4. Điểm chuẩn và danh sách trúng tuyển lớp 10

Điểm chuẩn trúng tuyển vào Trường THPT Tân Thông Hội 2024 –

2025:

Nguyện vọng 1: **14.75.**

Nguyện vọng 2: **15.75.**

Nguyện vọng 3: **16.75.**

Danh sách học sinh đã trúng tuyển lớp 10 năm học 2024 – 2025 tại trường THPT Tân Thông Hội được niêm yết trên website và bảng tin nhà trường.

5. Hồ sơ tuyển sinh

5.1. Đối với các trường trên địa bàn huyện Củ Chi:

5.1.1. Hồ sơ đăng ký nhập học:

Phiếu đăng ký nhập học lớp 10/tờ khai thông tin (do Trường THPT Tân Thông Hội phát hành – Học sinh nhận và nộp phiếu đăng ký tại trường theo lịch thông báo).

Nộp kèm bản photo (không công chứng): CCCD; giấy khai sinh; giấy xác nhận diện chính sách (con liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh), diện ưu tiên khác (nếu có).

5.1.2. Hồ sơ nhập học (do trường THCS chuyển giao)

5.2. Đối với học sinh ngoài huyện Củ Chi (Hóc Môn, Quận 12...)

5.2.1. Hồ sơ đăng ký nhập học:

Phiếu đăng ký nhập học lớp 10/tờ khai thông tin (do trường THPT Tân Thông Hội phát hành – Học sinh nhận và nộp phiếu đăng ký tại trường theo lịch thông báo).

Nộp kèm bản photo (không công chứng): CCCD; giấy khai sinh; giấy xác nhận diện chính sách (con liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh), diện ưu tiên khác).

5.2.2. Hồ sơ nhập học:

- Phiếu đăng ký xét tốt nghiệp THCS năm 2024 và thi tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2024 – 2025;

- Bản chính phiếu báo điểm kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 có ghi 3 nguyện vọng;
- Bản chính giấy chứng nhận tạm thời tốt nghiệp THCS;
- Bản chính học bạ cấp THCS;
- Bản sao giấy khai sinh (Bản sao);
- Bản sao giấy chứng nhận các diện chính sách, ưu tiên (có công chứng);
- Bản sao căn cước công dân.

6. Thời gian đăng ký nhập học

6.1. Đối với học sinh trúng tuyển bằng hình thức thi tuyển

6.1.1. Từ ngày 04/7/2024 đến 17g00 ngày 12/7/2024: học sinh trúng tuyển nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://ts10.hcm.edu.vn> vào mục “Tra cứu kết quả

thi tuyển sinh 10” và đăng nhập. ***Sau thời gian trên, nếu học sinh không xác nhận nộp hồ sơ trúng tuyển trực tuyến thì xem như từ chối quyền trúng tuyển.***

6.1.2. Thời gian học sinh nhận đơn nhập học:

Từ ngày **8/7/2024 đến ngày 12/7/2024.**

Buổi sáng: Từ 8h00 đến 11h00.

Buổi chiều: Từ 14h00 đến 16h00.

Địa điểm nhận: Trường THPT Tân Thông Hội. (Phòng học vụ).

6.1.3. Nộp hồ sơ nhập học

Từ ngày 17/7/2024 đến ngày 31/7/2024: học sinh đã xác nhận nộp hồ sơ trực tuyến tiến hành nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường THPT Tân Thông Hội (*Học sinh/CMHS xem lịch cụ thể tiếp nhận hồ sơ trực tiếp trên bảng thông báo của trường*).

+ Buổi sáng: 7h30 phút đến 11h00.

+ Buổi chiều: 13h30 phút đến 16h00.

6.2. Đối với học sinh trúng tuyển bằng hình thức tuyển thẳng

Từ ngày 04/7/2024 đến ngày 09/7/2024: học sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường THPT Tân Thông Hội.

+ Buổi sáng: 7h30 phút đến 11h00.

+ Buổi chiều: 13h30 phút đến 16h00.

7. Nơi nhận hồ sơ đăng ký trực tiếp

Phòng Học vụ Trường THPT Tân Thông Hội.

Địa chỉ: Đường Suối Lội, ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

* **Lưu ý:** cha mẹ học sinh và học sinh theo dõi thông báo của nhà trường tại Website <http://www.thpttanthonghoi.hcm.edu.vn>; bảng thông tin nhà trường; Fanpage Facebook “Đoàn Trường THPT Tân Thông Hội”.

Trên đây là kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024 – 2025 của Trường THPT Tân Thông Hội đề nghị các bộ phận có liên quan thực hiện nghiêm túc kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và đào tạo “để báo cáo”;
- Phòng GD&ĐT các quận huyện “để phối hợp”;
- Hội đồng Tuyển sinh 10 trường “để thực hiện”;
- HT, PHT “để thực hiện”;
- TTVP, Cán bộ vì tính “để thực hiện”;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Châu Văn Khoản

Số: /KH-THPT TTH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Giáo dục nhà trường của Trường THPT Tân Thông Hội năm học 2024 – 2025

A. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT 2018);

Căn cứ Công văn 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn dạy học 2 buổi/ngày đối với các trường trung học;

Kế hoạch số 3308/KH-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025 đối với giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 4977/SGDĐT-GDTrH ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch Chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2021 – 2025;

Trường Trung học phổ thông (THPT) Tân Thông Hội xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 – 2025 như sau:

B. NỘI DUNG

I. BỐI CẢNH, THỜI CƠ, THÁCH THỨC

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thời cơ

Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng Khoa học công nghệ 4.0; yêu cầu triển khai các chương trình, đề án của Thành phố trong hoạt động giáo dục mang tính cấp thiết, được triển khai đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và quản lý giáo dục.

Nền kinh tế tri thức phát triển dựa trên sức mạnh của tri thức đòi hỏi lực lượng lao động có chất xám, kỹ năng, sự chuyên nghiệp và chuyên môn ngày càng cao.

Nhu cầu về nền giáo dục chất lượng cao từ phía xã hội, phụ huynh, người học rất lớn và ngày càng tăng cao.

1.2. Thách thức

Yêu cầu về ứng dụng CNTT trong đổi mới giảng dạy; yêu cầu và tầm quan trọng của công tác Chuyển đổi số; việc áp dụng các hệ thống quản lý học tập (LMS)... là những

yêu cầu mà nhà trường phải nhanh chóng nắm bắt, triển khai đồng bộ theo những chỉ đạo, hướng dẫn của Ngành giáo dục Thành phố.

Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục từ phía học sinh, cha mẹ học sinh và xã hội trong thời kỳ hội nhập.

Năng lực và điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin; trình độ ngoại ngữ; khả năng thích ứng, năng động của cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường và trong yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) mới 2018.

Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục tồn tại dẫn đến một số hoạt động, năng lực và nguồn lực bị hạn chế.

2. Bối cảnh bên trong

2.1. Điểm mạnh của nhà trường

Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, của cha mẹ học sinh, trong các hoạt động giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn, có chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Chất lượng và uy tín của nhà trường ngày càng được khẳng định, được học sinh, phụ huynh và xã hội tin cậy.

Tập thể sư phạm nhà trường có sự đồng thuận và thống nhất cao trong mục tiêu, định hướng phát triển nhà trường. Có sự phối hợp hoạt động tốt giữa Chi ủy với chính quyền và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường; giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh, Cha mẹ học sinh.

Nhà trường luôn quan tâm đến giáo dục kỉ luật học đường – đạo đức tác phong của học sinh, lấy đó làm tiền đề để phát triển và hướng đến chất lượng giáo dục, tạo môi trường học tập lành mạnh, chất lượng cho học sinh phát triển.

2.2. Điểm yếu

Cơ sở vật chất còn thiếu thốn, chưa đồng bộ, một số trang thiết bị, đồ dùng dạy học còn thiếu và cũ cần được sửa chữa, bổ sung. Phòng học còn thiếu so với nhu cầu dạy và học thực tế tại nhà trường.

Một số ít giáo viên chưa thực sự đổi mới phương pháp dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục hiện nay.

Số học sinh có điều kiện hoàn cảnh khó khăn còn nhiều cũng ảnh hưởng không nhỏ đến điều kiện học tập và giảng dạy trong bối cảnh tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới giáo dục.

2.3. Kết quả nổi bật năm học 2023 – 2024

Hoàn thành kế hoạch giáo dục đã xây dựng từ đầu năm học.

Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể để thực hiện CTGDPT 2006 và CTGDPT 2018 đúng và đầy đủ.

Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đã được điều chỉnh theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Công tác kiểm tra đánh giá được thực hiện nghiêm túc và đúng thực chất; công tác kiểm tra nội bộ nhà trường đã được quan tâm thực hiện tốt.

Tổ chức dạy học tự chọn được thực hiện với việc tư vấn hiệu quả đã giúp củng cố và nâng cao kiến thức, rèn luyện kỹ năng cho học sinh.

Tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đúng và đủ; linh hoạt chủ động phù hợp với đặc thù của bộ môn với các hình thức học trực tiếp kết hợp giảng dạy trên Internet thông qua hệ thống dạy học LMS.

Thực hiện nghiêm túc việc chuyển đổi số trong dạy học. từng bước hoàn thiện kho học liệu số các bộ môn trên kho học liệu số của trường.

Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Công tác kiểm tra đánh giá được thực hiện nghiêm túc và đúng thực chất.

Tổ chức tốt hoạt động dạy – học 2 buổi/ngày theo đúng quy định.

Tổ chức dạy phụ đạo học sinh yếu nhằm củng cố, ôn tập lại kiến thức, rèn kỹ năng vận dụng, kỹ năng cơ bản, cải thiện kết quả học tập cho học sinh.

Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, chú trọng bồi dưỡng và nâng cao năng lực cá nhân.

Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng và trải nghiệm - hướng nghiệp cho học sinh.

*** Kết quả giáo dục**

Khối	HẠNH KIỂM				HỌC LỰC					DANH HIỆU	
	TỐT	KHÁ	T.BÌNH/ ĐẠT	YẾU/ C.ĐẠT	GIỎI/ TỐT	KHÁ	T.BÌNH/ ĐẠT	YẾU/ C.ĐẠT	KÉM	HSG/ HSXS	HSTT/ HSG
	Tỉ lệ	Tỉ lệ	Tỉ lệ	Tỉ lệ	Tỉ lệ	Tỉ lệ	Tỉ lệ	Tỉ lệ	Tỉ lệ	Tỉ lệ	Tỉ lệ
10	94.73	4.95	0.16	0.16	30.19	46.01	22.52	1.28	0	7.03	23.16
11	93.74	5.39	0.7	0.17	36.7	45.39	17.22	0.7	0	12.7	24
12	94.71	5.1	0.19	0	40.26	44.99	14.56	0.19	0	40.26	44.99
Toàn trường	94.39	5.14	0.35	0.12	35.43	45.49	18.32	0.75	0	19.08	30.12

Học sinh đạt giải học sinh giỏi thành phố	7 giải
Học sinh đạt giải kỳ thi “máy tính cầm tay” thành phố	8 giải
Học sinh đạt giải kỳ khảo sát Olympic 30/4	8 Giải
Giải thể thao học sinh thành phố:	3 giải (môn Vovinam)
Học sinh đậu TN. THPT	100%
Hiệu suất đào tạo	95.5%

*** Kết quả nhà trường:**

Tập thể Lao động Xuất sắc.

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt Lao động tiên tiến trở lên.

100% cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công đoàn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đoàn Thanh niên: Xuất sắc.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2024 – 2025

Khối	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh/lớp
10	593	13	45.62
11	632	14	45.1
12	566	13	43.5
Toàn trường	1791	40	44.75

3.2. Về cán bộ, giáo viên, nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	86		15	61	0	3	7	68	6		67	7		
I	Giáo viên	71		14	57				65	6		64	7		
1	Toán	10		5	5				11			11			
2	Vật lý	7		1	6				6	1		5	2		
3	Hóa học	5		1	4				6			2	3		
4	Ngữ văn	9		1	8				8	1		9			
5	Ngoại ngữ	9			9				8	1		9			
6	Sinh học	4		3	1				3			4			
7	Công nghệ	2			2				3			2			
8	Lịch sử	4			4				4			4			
9	GDQP&AN	2		1	1				1			1			
10	Địa lý	4			4				2	2		4			
11	GDKTPL	4		1	3				4			3	1		
12	Tin học	5			5				5	1		5			
13	GDTC	6		1	5				6			5	1		
II	Cán bộ quản lý	3		1	2				3			3			
1	Hiệu trưởng	1			1				1			1			
2	Phó Hiệu trưởng	2		1	1				2			2			
III	Nhân viên	12			2		3	7							
1	Nhân viên Văn thư	1					1								
2	Nhân viên Kế toán	1			1										
3	Nhân viên Giáo vụ	1			1										
4	Nhân viên Y tế	1					1								
5	Nhân viên Thư viện	1					1								
6	Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm														

3.3. Định hướng chương trình dạy học

Thực hiện các hoạt động giáo dục theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tổ chức hoạt động giáo dục 2 buổi/ngày theo đúng tinh thần Công văn số 2848/GDDT-TrH về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình dạy học 2 buổi/ngày tại các trường THCS, THPT trên địa bàn Thành phố.

Tổ chức chương trình nhà trường theo hướng dẫn của các văn bản quy phạm hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị trên cơ sở có sự đồng thuận của Cha mẹ học sinh.

* **Chương trình giáo dục:** thực hiện chương trình giáo dục theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chương trình nhà trường. Tổ chức học 10 buổi/tuần.

* **Chương trình nhà trường:** *tổ chức 3 chương trình*

Tổ chức hoạt động giáo dục 2 buổi/ngày.

Thực hiện Đề án Nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế (Chứng chỉ MOS).

Tổ chức hoạt động trải nghiệm, giáo dục Stem...

3.4. Thực hiện khung chương trình môn học

Căn cứ khung chương trình giáo dục hiện hành, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và đề nghị, kế hoạch giảng dạy của các tổ (nhóm) chuyên môn, nhà trường duyệt kế hoạch giảng dạy cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo quy định được tổ chức giảng dạy trong nhà trường, bảo đảm thời lượng quy định trong chương trình và bố trí dạy học trong mỗi học kỳ một cách hợp lý, khoa học.

* **Quy định về thời gian học:**

Học kỳ I: từ ngày 05/09/2024 đến ngày 11/01/2025 (18 tuần thực học và 01 tuần dự trữ).

Học kỳ II: từ ngày 13/01/2025 đến ngày 31/05/2025 (17 tuần thực học và 01 tuần dự trữ).

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước nói chung và trong nhiệm vụ giáo dục nói riêng. Xây dựng nhà trường nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục tốt. Chú trọng công tác giáo dục học sinh về đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng. Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện CTGDPT 2018.

Triển khai và nâng cao chất lượng giáo dục ở các khối lớp, bước đầu nắm bắt kết quả và hiệu quả của CTGDPT 2018 nhằm đạt mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng

cao chất lượng giáo dục. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực; đổi mới phương thức kiểm tra - đánh giá học sinh.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học, chú trọng mục tiêu dạy học nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức phổ thông đáp ứng với yêu cầu; Xây dựng cho học sinh phương pháp học tập, tự học, khuyến khích phát triển sự sáng tạo, năng lực tư duy, hoạt động tự chủ của học sinh; Giáo dục những công dân tương lai được phát triển toàn diện, mạnh khỏe về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, có lối sống đạo đức lành mạnh, có kỹ năng sống, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội đáp ứng yêu cầu trong đời sống đô thị và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Xây dựng nhà trường nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý tạo điều kiện cho các tổ chuyên môn, giáo viên chủ động, linh động trong thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục năm học trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn có nhiều nguy cơ và nguy hiểm. Thực hiện đúng và hiệu quả cơ chế tài chính. Tăng cường nguồn lực xã hội hóa và nguồn lực đầu tư cho nhà trường.

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh, phát huy tính chủ động sáng tạo của người học.

Đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động học sinh nghiên cứu KHKT; tăng cường hiệu quả hoạt động giáo dục STEM; tích cực đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp phù hợp điều kiện, đặc điểm địa phương và nhà trường.

Trên cơ sở nội dung kế hoạch giáo dục nhà trường, tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch cho tổ, giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân. Thực hiện đúng kế hoạch dạy học, đảm bảo đủ thời lượng dạy học, hoạt động giáo dục và chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình các bộ môn được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, không dạy trước chương trình, không kết thúc chương trình trước thời gian quy định.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2024 – 2025 chủ động, linh hoạt thích ứng với tình hình thực tiễn, thực hiện mục tiêu chất lượng giáo dục.

Tiếp tục thực hiện triển khai có hiệu quả CTGDPT 2018 đối với cả 3 khối lớp; tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện tốt nhất CTGDPT 2018 như đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện CTGDPT 2018. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động giáo dục của nhà trường; đảm bảo tính dân chủ, công khai, thống nhất giữa các tổ chức trong nhà trường; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Tổ chức cho học sinh học tập, ôn luyện và tham gia Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông giai đoạn 2024 – 2025 bảo đảm an toàn, chất lượng, phù hợp với việc triển khai Chương trình GDPT 2018 và tình hình dịch bệnh. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, đảm bảo chất lượng hoạt động tự đánh giá của nhà trường.

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả chỉ đạo của Ngành Giáo dục Thành phố trong thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030 và Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030”.

Tiếp tục đổi mới và thực hiện các phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong GDPT theo hướng mở, giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động.

Tăng cường chuyển đổi số, đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng CNTT trong hoạt động; tăng cường các điều kiện đảm bảo và kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy và học và trong kiểm tra, đánh giá.

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030”. Triển khai văn bản điện tử trong công tác quản lý, điều hành của nhà trường. Bước đầu ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trả lời tự động).

Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung trong phạm vi tổ chuyên môn, nhà trường và định hướng đến toàn ngành giáo dục. Bước đầu phát triển, ứng dụng nền tảng số dạy và học trực tuyến với các tính năng tiên tiến hỗ trợ học tập cá thể hóa và tăng cường trải nghiệm; tăng cường kiểm tra, thi trên máy tính và thi trực tuyến... Đảm bảo nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ nhà trường với hệ thống cơ sở dữ liệu chung theo yêu cầu.

Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 – 2030”; Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 – 2030”; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường; Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021 – 2025.

Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm cho học sinh; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong đơn vị; phát huy giá trị của Không gian văn hóa Hồ Chí Minh; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới GDĐT, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết; triển khai hiệu quả công tác giáo dục thể chất và y tế trường học, bảo đảm an toàn trường học. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng, an ninh.

Tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng “Trường học hạnh phúc” và phát huy hiệu quả “không gian văn hóa Hồ Chí Minh” tại trường trong năm học 2024 – 2025.

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ trong thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa sai phạm. Trong đó chú trọng kiểm tra trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng trường; kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm; kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện chương trình GDPT nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Tham mưu đề xuất đẩy nhanh tiến độ sửa chữa tu bổ nâng cấp nhà trường trong kế hoạch đầu tư Trung hạn theo đề nghị của Sở Giáo dục – Đào tạo đối với Thành phố.

Tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội cho giáo dục nhà trường. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo chỉ đạo và hướng dẫn của Ngành.

Chú trọng triển khai bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên và thực hiện CTGDPT 2018. Bố trí đủ giáo viên dạy học các môn trong CTGDPT 2018.

Chú trọng tăng cường năng lực tiếng Anh cho người dạy và người học thông qua việc triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 – 2025. Quản lý chặt chẽ các giáo viên bản ngữ, đội ngũ giáo viên dạy theo hợp đồng.

Thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” gắn với các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động, việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

IV. CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG, CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ

Trường THPT Tân Thông Hội xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục chính trị tư tưởng năm học 2024 – 2025 với các nhiệm vụ trọng tâm:

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường theo hướng gắn việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục tăng cường năng lực số, chuyển đổi số và các nội dung giáo dục lồng ghép phù hợp khác theo quy định.

Thực hiện công tác phát triển Đảng viên trong trường học, bồi dưỡng nhận thức về Đảng trong học sinh theo tinh thần Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 30/5/1998 của Bộ Chính trị (Khoá VIII) về "Tăng cường công tác chính trị tư tưởng; củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học";

Tăng cường công tác phối hợp giữa gia đình – nhà trường – xã hội để tổ chức quản lý, giáo dục học sinh về kỹ năng sống, giáo dục thể chất giúp học sinh có kỹ năng phòng tránh dịch bệnh, phòng chống đuối nước, tư vấn tâm lý học đường, kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin để học tập có hiệu quả.

Xây dựng môi trường học tập an toàn, tiếp tục thực hiện công tác phòng chống covid -19 và các dịch bệnh khác để bảo vệ sức khỏe giáo viên và học sinh khi giảng dạy trực tiếp.

V. THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

1. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

1.1. Năm học 2024 – 2025, CTGDPT 2018 được triển khai ở cả 3 khối lớp 10, 11 và 12. Cụ thể như sau:

a) Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc

Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh); Lịch sử; GD thể chất; GDQP và AN; Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp; Nội dung giáo dục địa phương.

b) Các môn học lựa chọn gồm: Địa lí, GD kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật).

Học sinh lựa chọn 4 môn học từ 9 môn học trên.

c) Các chuyên đề học tập

Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho học sinh trung học phổ thông, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

1.2. Thời lượng giáo dục

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp		
		Khối 10	Khối 11	Khối 12
Môn học bắt buộc (6)	Ngữ văn	105	105	105
	Toán	105	105	105
	Ngoại ngữ 1	105	105	105
	Lịch sử	52	52	52
	Giáo dục thể chất	70	70	70
	GDQP và AN	35	35	35
Nội dung GD bắt buộc của địa phương		105	105	105
Hoạt động GD bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, HN	105	105	105
Nhóm môn học lựa chọn (9 môn)	Địa lí	70	70	70
	GD kinh tế và pháp luật	70	70	70
	Vật lí	70	70	70
	Hoá học	70	70	70
	Sinh học	70	70	70
	Công nghệ	70	70	70
	Tin học	70	70	70
	Âm nhạc	70	70	70
	Mĩ thuật	70	70	70

Nội dung giáo dục	Số tiết/năm học/lớp		
	Khối 10	Khối 11	Khối 12
Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)	105	105	105
Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	105
Ngoại ngữ 2	105	105	105
Tổng số tiết học/năm học	962	962	962
Số tiết học TB/tuần (không kể các môn học tự chọn)	28,5	28,5	28.5

1.3. Biên chế lớp theo các môn lựa chọn, chuyên đề học tập năm học 2023 – 2024

1.3.1. Khối 10

TT	Lớp	Môn học bắt buộc (8 môn)	Nhóm môn học lựa chọn (4 môn)	Chuyên đề học tập (3 chuyên đề)	Ghi chú
1	10A1 10A2 10A3 10A4 10A5	- Toán - Ngữ văn - Tiếng anh - Lịch sử - Giáo dục thể chất - Giáo dục QP-AN - Nội dung giáo dục lịch sử địa phương - Hoạt động trải nghiệm, HN	- Địa lý - Giáo dục kinh tế - pháp luật - Tin học - Công nghệ (Thiết kế và công nghệ)	- Toán - Ngữ văn - Địa lý	
2	10a6 10a7 10A8 10A9 10a10 10a11	- Toán - Ngữ văn - Tiếng anh - Lịch sử - Giáo dục thể chất - Giáo dục QP-AN - Nội dung giáo dục lịch sử địa phương - Hoạt động trải nghiệm, HN	- Vật Lý - Hóa học - Sinh học - Tin học	- Toán - Vật lý - Hóa học	
3	10a12 10a13	- Toán - Ngữ văn - Tiếng anh - Lịch sử - Giáo dục thể chất - Giáo dục QP-AN - Nội dung giáo dục lịch sử địa phương - Hoạt động trải nghiệm, HN	- Vật Lý - Hóa học - Sinh học - Tin học	- Toán - Hóa học - Sinh học	

1.3.2. Khối 11

TT	Lớp	Môn học bắt buộc (8 môn)	Nhóm môn học lựa chọn (4 môn)	Chuyên đề học tập (3 chuyên đề)	Ghi chú
1	11A1 11A2 11A3 11A4 11A5 11a6 11a7	- Toán - Ngữ văn - Tiếng anh - Lịch sử - Giáo dục thể chất - Giáo dục QP-AN - Nội dung giáo dục lịch sử địa phương - Hoạt động trải nghiệm, HN	- Địa lý - Giáo dục kinh tế - pháp luật - Tin học - Công nghệ (Thiết kế và công nghệ)	- Toán - Ngữ văn - Địa lý	
2	11A8 11A9 11a10 11a11 11a12	- Toán - Ngữ văn - Tiếng anh - Lịch sử - Giáo dục thể chất - Giáo dục QP-AN - Nội dung giáo dục lịch sử địa phương - Hoạt động trải nghiệm, HN	- Vật Lý - Hóa học - Sinh học - Tin học	- Toán - Vật lý - Hóa học	
3	11a13 11a14	- Toán - Ngữ văn - Tiếng anh - Lịch sử - Giáo dục thể chất - Giáo dục QP-AN - Nội dung giáo dục lịch sử địa phương - Hoạt động trải nghiệm, HN	- Vật Lý - Hóa học - Sinh học - Tin học	- Toán - Hóa học - Sinh học	

1.3.3. Khối 12

TT	Lớp	Môn học bắt buộc (8 môn)	Nhóm môn học lựa chọn (4 môn)	Chuyên đề học tập (3 chuyên đề)	Ghi chú
1	12a1 12a2 12a3 12a4 12a5	- Toán - Ngữ văn - Tiếng anh - Lịch sử - Giáo dục thể chất - Giáo dục QP-AN - Nội dung giáo dục lịch sử địa phương - Hoạt động trải nghiệm, HN	- Địa lý - Giáo dục kinh tế - pháp luật - Tin học - Công nghệ (Thiết kế và công nghệ)	- Toán - Ngữ văn - Địa lý	
2	12a6 12a7 12a8 12a9	- Toán - Ngữ văn - Tiếng anh - Lịch sử - Giáo dục thể chất - Giáo dục QP-AN	- Vật Lý - Hóa học - Sinh học - Tin học	- Toán - Vật lý - Hóa học	

TT	Lớp	Môn học bắt buộc (8 môn)	Nhóm môn học lựa chọn (4 môn)	Chuyên đề học tập (3 chuyên đề)	Ghi chú
		- Nội dung giáo dục lịch sử địa phương - Hoạt động trải nghiệm, HN			
3	12a10 12a11 12a12 12a13	- Toán - Ngữ văn - Tiếng anh - Lịch sử - Giáo dục thể chất - Giáo dục QP-AN - Nội dung giáo dục lịch sử địa phương - Hoạt động trải nghiệm, HN	- Vật Lý - Hóa học - Sinh học - Tin học	- Toán - Hóa học - Sinh học	

2. Các hoạt động giáo dục

2.1. *Dạy bồi dưỡng học sinh năng khiếu, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học (NCKH)*

2.1.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật (KHKT) cho học sinh trung học

Góp phần đổi mới hình thức tổ chức hoạt động dạy học và đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; thúc đẩy giáo viên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường.

Tổ chức hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật qua các hoạt động tìm tòi, khám phá khoa học, kỹ thuật giải quyết các vấn đề thực tiễn tạo điều kiện cho học sinh phát triển năng lực. Tổ chức tốt hoạt động này là tiền đề triển khai các dự án nghiên cứu trong khuôn khổ cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

Trên cơ sở các Câu lạc bộ (CLB) Vật lý, Hóa học đã có, bước đầu hình thành CLB KHKT trong trường nhằm tạo môi trường cho học sinh nghiên cứu, chia sẻ về kiến thức, kỹ năng và các sản phẩm NCKH; giúp đỡ học sinh trong việc tiếp cận và vận dụng các phương pháp NCKH, rèn luyện những kỹ năng cần thiết cho hoạt động NCKH, trong học tập và trong cuộc sống.

Các tổ chuyên môn và bộ phận phân công giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện đề tài. Nhà trường hỗ trợ kinh phí thực hiện, bồi dưỡng, khen thưởng động viên.

2.2.2. Dạy bồi dưỡng học sinh năng khiếu

Bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi. Phân công giáo viên hướng dẫn và lập kế hoạch giảng dạy.

Thực hiện kế hoạch về bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi trường dự thi học sinh giỏi 12 thành phố, Olympic 30/4: Phát hiện học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu bộ môn để kịp thời bồi dưỡng; tạo mọi điều kiện để học sinh được phát huy năng lực học tập, tư duy sáng tạo. Tổ chức chọn đội tuyển bồi dưỡng giúp học sinh ôn tập, hệ thống và nâng cao kiến thức để đạt kết quả tốt; nâng cao chất lượng mũi nhọn của trường. Đạt được chỉ tiêu

đề ra: 50 % học sinh đạt giải trên số lượng học sinh đăng ký dự thi kì thi học sinh giỏi lớp 12 cấp thành phố; kì thi Giải toán bằng máy tính bỏ túi...

2.2. Phụ đạo học sinh yếu

Bộ phận chuyên môn phối hợp với các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém trong năm học: Tập trung chỉ đạo phụ đạo học sinh yếu chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học tại các lớp đang học bằng nhiều hình thức nhằm tạo điều kiện cho các em được ôn tập kiến thức, rèn kỹ năng để đạt được chuẩn theo quy định. Chú trọng đến công tác rà soát, hỗ trợ học sinh củng cố, nắm bắt lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng làm bài sau thời gian dài học trực tuyến của năm học trước. Giáo viên có nhiệm vụ phụ đạo học sinh yếu, kém của lớp mình phụ trách; theo dõi, kiểm tra, phát hiện sớm các học sinh yếu không theo kịp chương trình, thông báo tình hình học tập của học sinh cho giáo viên chủ nhiệm, Tổ trưởng và Phó Hiệu trưởng phụ trách để tổ chức phối hợp với cha mẹ học sinh.

2.3. Dạy học chuyên đề

Các tổ chuyên môn xây dựng chủ đề và phân công giáo viên thực hiện các tiết dạy chuyên đề, bộ phận chuyên môn tổng hợp, phối hợp với Ban NGLL-TN-HN-GDĐP của nhà trường lên lịch cụ thể hàng tuần, tổ chức cho học sinh tham gia. Nội dung chuyên đề phù hợp với thời gian, kiến thức và bổ ích cho học sinh trong việc mở rộng kiến thức, rèn luyện kỹ năng...

2.4. Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Căn cứ Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 – 2025 và tình hình thực tế, trường THPT Tân Thông Hội xây dựng kế hoạch trải nghiệm hướng nghiệp năm học 2024 – 2025.

Kế hoạch thể hiện rõ yêu cầu thực hiện hoạt động giáo dục theo quy định của chương trình GDPT 2018 đối với cả 3 khối lớp 10, 11 và 12. (*Kế hoạch hoạt động Trải nghiệm – Hướng nghiệp đính kèm*)

2.5. Giáo dục STEM

Tổ chức thực hiện đa dạng các chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM nhằm triển khai thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Xây dựng chủ đề Giáo dục STEM ở các môn thuộc lĩnh vực STEM (Toán – Lý – Hóa – Sinh – công nghệ – Tin học) mỗi tổ bộ môn cố gắng xây dựng và thực hiện tối thiểu 1 đề tài GD STEM. Các chủ đề, bài học, hoạt động STEM bám sát chương trình của các môn học thành phần. (Chú ý: hình thức giáo dục STEM này không làm phát sinh thêm thời gian học tập.)

Hoạt động trải nghiệm STEM: Trong hoạt động trải nghiệm STEM, học sinh được khám phá các thí nghiệm, ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong thực tiễn đời sống. Qua đó, nhận biết được ý nghĩa của khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học đối với đời sống con người, nâng cao hứng thú học tập các môn học STEM. Đây cũng là cách thức để thu hút sự quan tâm của xã hội tới giáo dục STEM. Các tổ chuyên môn có thể triển khai giáo dục STEM thông qua hình thức câu lạc bộ.

Tổ chức thực hiện chương trình dạy học và giáo dục hướng đến mục tiêu chuẩn bị cho học sinh kiến thức, kỹ năng cần thiết theo giáo dục định hướng nghề nghiệp, đẩy mạnh

giáo dục STEM, (theo Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và từng bước thí điểm hoạt động giáo dục “Trí tuệ nhân tạo - AI” trong trường phổ thông, cũng là một phần công tác trong triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục thông minh và học tập suốt đời giai đoạn 2020 – 2030” theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố.

Áp dụng tinh thần mô hình giáo dục STEM trong tổ chức hoạt động dạy - học ở tất cả các môn. Nhằm mục tiêu hình thành và phát triển thói quen tư duy STEM cho học sinh, khuyến khích giáo viên các bộ môn áp dụng phương pháp, quy trình dạy học Giáo dục STEM trong quá trình dạy học và hoạt động giáo dục. Từng bước đưa các chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM vào trường, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của nhà trường và bộ môn. Các tổ bộ môn xây dựng chủ đề dạy học theo định hướng giáo dục STEM cụ thể, đảm bảo các tiêu chí của một chủ đề STEM, đáp ứng được quy trình kỹ thuật trong học tập ở bộ môn hoặc liên môn:

Phân công một số giáo viên làm lực lượng nòng cốt đưa các chủ đề dạy học, hướng dẫn và định hướng cho học sinh trong quá trình dạy, để học sinh tiếp cận và chủ động tham gia, suy nghĩ, thực hiện các đề tài STEM.

Tổ chức cho giáo viên nội dung tham gia các buổi tập huấn Phương pháp thiết kế bài giảng STEM do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và các đơn vị tổ chức, qua đó GV nắm bắt nội dung và vận dụng các bước để thực hiện giáo án STEM. Đưa việc tìm hiểu, nghiên cứu và thực hiện GD STEM và hoạt động bồi dưỡng thường xuyên, sử dụng các tài liệu tham khảo phổ biến về GD STEM.

Tìm nguồn hỗ trợ từ các đơn vị giáo dục, các trường Đại học về tài chính, cơ sở vật chất, tài liệu... để có phương tiện hỗ trợ cụ thể giáo viên và học sinh triển khai các đề tài, ý tưởng. Theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, phối hợp và hợp đồng với các đơn vị có đầu tư dịch vụ về GD STEM triển khai trong nhà trường.

Tham gia một số cuộc thi chuyên môn về lĩnh vực GD STEM như cuộc thi Thiết kế chủ đề dạy học tích hợp STEM, Thiết kế và bắn tên lửa nước, ...

3. Các hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường *(Chương trình giáo dục nhà trường)*

Căn cứ Quyết định về dạy học 2 buổi/ngày; căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, Trường THPT Tân Thông Hội thực hiện các chương trình nhà trường khi thỏa thuận với Cha mẹ học sinh về việc tổ chức.

3.1. Tổ chức hoạt động giáo dục 2 buổi/ngày

Lập kế hoạch hoạt động giáo dục 2 buổi/ngày năm học 2024 – 2025. Tổ chức dạy học và hoạt động buổi 2 nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Việc tổ chức hoạt động giáo dục 2 buổi/ngày được thực hiện cho các khối lớp. Thực hiện đúng quy định về thời lượng dạy học và các hoạt động giáo dục khác.

Tổ chức dạy học chuyên đề các bộ môn: cho học sinh đăng ký lựa chọn chuyên đề và bộ môn phù hợp với thời gian, kiến thức và bổ ích cho học sinh trong việc mở rộng kiến thức, rèn luyện kỹ năng...

Tổ chức chuyên đề kỹ năng, hướng nghiệp.

Tổ chức các buổi học tập trải nghiệm bên ngoài nhà trường và tại trường như: hoạt động của các tổ bộ môn, ngày hội trải nghiệm các môn....

Tổ chức dạy phụ đạo học sinh yếu nhằm củng cố, ôn tập kiến thức, rèn kỹ năng làm bài, vận dụng bài, kỹ năng cơ bản, cải thiện kết quả học tập.

Tổ chức bồi dưỡng học sinh năng khiếu, hướng dẫn học sinh NCKH: bồi dưỡng và nâng cao năng lực cá nhân; các tổ bộ môn phân công giáo viên phụ trách và bồi dưỡng, ôn luyện học sinh để tham gia các cuộc thi cấp Thành phố; có chế độ khen thưởng, thực hiện điểm số khi học sinh tham gia học, thi và đạt giải....

Tổ chức các hoạt động câu lạc bộ học thuật, rèn luyện thể chất như: Câu lạc bộ Vật lý, câu lạc bộ bóng đá, câu lạc bộ bóng chuyền...

Thực hiện Đề án Nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế (Chứng chỉ MOS).

Thực hiện Kế hoạch số 1274/KH-SGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 – 2030”, nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh theo định hướng chuẩn quốc tế “ trong năm học 2024 – 2025.

Nâng cao nhận thức về vai trò của kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ quản lý giáo dục, giáo viên, phụ huynh và học sinh. Vận động cha mẹ học sinh tạo điều kiện cho học sinh tham gia các kỳ thi chứng chỉ Tin học quốc tế.

Nâng cao chất lượng dạy và học Tin học trong nhà trường; góp phần hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực chung và các năng lực đặc thù của học sinh, giúp các em trở thành những công dân toàn cầu, sẵn sàng gia nhập vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khai thác tốt kho tàng tri thức khổng lồ, cập nhật không ngừng của nhân loại.

Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên Tin học đáp ứng các tiêu chuẩn giảng dạy. Xây dựng các giải pháp, lộ trình nâng cấp hệ thống phòng máy tính, máy vi tính đáp ứng yêu cầu dạy học Tin học theo chương trình quốc tế. Đảm bảo giáo viên tham gia giảng dạy Tin học theo chuẩn quốc tế phải là những giáo viên đạt chuẩn theo quy định để được dạy Tin học theo chuẩn quốc tế; đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ việc giảng dạy Tin học theo chuẩn quốc tế.

Việc triển khai thực hiện dạy học Tin học theo chuẩn quốc tế trước hết cần đảm bảo thực hiện đầy đủ chương trình tin học theo quy định của Bộ, thỏa thuận thu phí để thực hiện những nội dung ngoài chương trình tin học theo quy định của Bộ, trên nguyên tắc tự nguyện của học sinh và sự đồng thuận của cha mẹ học sinh. Chứng chỉ quốc tế MOS (Word 2016) được nhà trường triển khai giảng dạy ở khối 10 và MOS (Excel 2026) cho học sinh khối 11.

4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá

Thực hiện việc đánh giá học sinh trung học phổ thông theo Thông tư số 22/TT-BGDĐT. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông; không kiểm tra, đánh giá đối với các nội dung tinh giản theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiếp tục triển khai thực hiện kiểm tra, đánh giá theo chương trình quy định của CTGDPT 2018: *Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh* là hoạt động thu thập, phân tích, xử lý thông tin thông qua quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình

rèn luyện và học tập của học sinh trong các môn học bắt buộc, môn học tự chọn, hoạt động giáo dục bắt buộc, nội dung giáo dục của địa phương trong Chương trình giáo dục phổ thông; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; xác nhận kết quả đạt được của học sinh; cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh để điều chỉnh quá trình dạy học và giáo dục.

Điều chỉnh và hoàn thiện *Quy chế kiểm tra – đánh giá trong nhà trường*: lấy ý kiến đóng góp của các tổ, thống nhất, thông qua dự thảo Quy chế; Quyết định ban hành và đưa vào thực hiện.

Đánh giá học sinh đảm bảo tính khoa học, tính logic, tính chặt chẽ, quy định cụ thể các quy trình xây dựng đề kiểm tra, quy trình coi kiểm tra, quy trình chấm triểm tra, quy trình nhập điểm và trả kết quả kiểm tra cho học sinh. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập theo kế hoạch dạy học của giáo viên và nhà trường. Các hình thức đánh giá này được thông tin đầy đủ đến học sinh khi giao nhiệm vụ học tập.

Xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm tra đánh giá thống nhất hình thức bài kiểm tra đúng quy định, thời gian thực hiện, số bài kiểm tra... Kiểm tra đánh giá thực hiện nghiêm túc và đúng thực chất. Tổ chức các kỳ kiểm tra nghiêm túc, đúng quy định, đúng lịch kiểm tra thống nhất, đúng thời lượng quy định, đúng nội dung và hình thức theo yêu cầu; đảm bảo kiểm tra được mục tiêu đánh giá được năng lực toàn diện của học sinh.

Hình thức đánh giá đối với các môn học:

- Đánh giá bằng nhận xét đối với các môn học: *Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật, Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*. Kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng nhận xét theo một trong hai mức: **Đạt, Chưa đạt**.

- Đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại.

Về Công tác quản lý sổ điểm điện tử tại trường: thực hiện theo hướng dẫn của Công văn số 3260/GDĐT-GDTrH ngày 09 tháng 10 năm 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc quản lý, sử dụng Sổ gọi tên và ghi điểm điện tử từ năm học 2015 – 2016 và Công văn số 3368/GDĐT-TrH ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện in và lưu trữ sổ gọi tên và ghi điểm điện tử từ năm học 2017 – 2018; Hướng dẫn số 1397/GDĐT-TrH ngày 18/5/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn việc quản lý, sử dụng dữ liệu điện tử tại các trường Trung học từ năm học 2019 – 2020; cơ sở dữ liệu học sinh và giáo viên được cập nhật và quản lý theo sự phân công do Hiệu trưởng quyết định; thực hiện nghiêm túc quy định, quy chế quản lý và sử dụng sổ điểm điện tử trong nhà trường. Giáo viên bộ môn theo phân công trực tiếp nhập điểm trên phần mềm VietSchool theo mỗi đợt, mỗi học kì theo thời hạn quy định của nhà trường. Các trường hợp điều chỉnh hoặc bổ sung điểm phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng chuyên môn. Điểm số được lưu và khóa sổ điểm sau mỗi đợt nhập điểm của giáo viên bộ môn sau thời gian cho phép.

VI. CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Công tác rà soát, tuyển dụng nhân sự được thực hiện hàng năm theo hướng dẫn của Sở.

Xây dựng kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên hàng năm nhằm trang bị cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên những kiến thức về tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, về chủ trương, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương của ngành; nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống để nâng cao tinh thần trách nhiệm và lương tâm nghề nghiệp; Trang bị những kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng dạy và học, thực hiện phương pháp giảng dạy hiện đại, tiên tiến đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo trong tình hình mới; Nâng cao nhận thức, kỹ năng triển khai thực hiện các nội dung của chủ đề và nhiệm vụ năm học 2024 – 2025 cho cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học, bậc học; Bồi dưỡng thường xuyên giáo viên; bồi dưỡng CTGDPT 2018 cho cán bộ quản lý, giáo viên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; tập huấn, bồi dưỡng triển khai dạy học trên nền tảng chuyển đổi số, định hướng giáo dục thông minh.

Tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ được tham gia đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; nâng chuẩn giáo viên nhằm đạt chuẩn theo quy định mới.

Tổ chức thực hiện lựa chọn sách giáo khoa công khai theo biên bản đề xuất từ các tổ bộ môn, lập biên bản gửi về Phòng Giáo dục Trung học và ra quyết định công bố bộ sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường. Phối hợp với các Nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn để đảm bảo sách giáo khoa và tổ chức tập huấn sử dụng sách giáo khoa cho giáo viên. Huy động các nguồn lực để mua sắm đầy đủ các bản sách giáo khoa đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt cho thư viện phục vụ dạy học theo chương trình. Lãnh đạo đơn vị, giáo viên hướng dẫn học sinh giữ gìn sách giáo khoa để sử dụng được nhiều năm; tổ, nhóm chuyên môn thực hiện việc lựa chọn các tài liệu hỗ trợ dạy học phù hợp với đặc điểm, trình độ học sinh và đáp ứng các chương trình, đề án đang triển khai tại Thành phố.

VII. CÔNG TÁC KHẢO THÍ, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu chung của ngành giáo dục thành phố theo hướng dẫn và triển khai của Sở; tập trung triển khai và cập nhật tối thiểu các mô đun quản lý học sinh, đội ngũ. Đảm bảo thông tin chính xác và đầy đủ; đảm bảo dữ liệu hệ thống kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện công tác tuyển sinh theo chỉ đạo của Sở; thực hiện nghiêm túc và hoàn thành đúng thời hạn.

Thực hiện nhiệm vụ kỳ thi, hội thi theo chỉ đạo của Sở; thực hiện đăng ký các kỳ thi, hội thi cho học sinh, giáo viên đầy đủ, kịp thời.

Phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia công tác tại các hội đồng coi thi, chấm thi đầy đủ, đúng thời hạn; quán triệt các thành viên thực hiện nghiêm túc quy chế coi thi, chấm thi...

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục: triển khai cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của đơn vị học tập, nghiên cứu đề hiểu rõ văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài. Tổ chức triển khai tự đánh giá đầy đủ các bước theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Báo cáo tự đánh giá phân biệt rõ mô tả hiện trạng với đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của đơn vị; sau năm học phải đánh giá việc triển khai thực hiện.

kế hoạch cải tiến chất lượng đã nêu trong báo cáo tự đánh giá của năm học trước; lưu ý rút kinh nghiệm trong công tác phân công bộ phận lưu giữ hồ sơ minh chứng đầy đủ và đúng quy định.

VIII. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, CSVC VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO

1. Cơ sở vật chất nhà trường

Cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị... cơ bản đủ điều kiện đảm bảo cho hoạt động dạy học 2 buổi/ngày, thực hiện chương trình giáo dục 2018 và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường. Đảm bảo đủ cơ sở vật chất cho việc tổ chức các hoạt động chăm sóc học sinh, các hoạt động sinh hoạt đời sống tinh thần của đội ngũ.

Việc mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu: trang bị và bổ sung các trang thiết bị các phòng thí nghiệm phục vụ cho chương trình Giáo dục 2018 theo danh mục đề xuất từ các tổ; trang bị thiết bị dạy và học theo cho các tổ bộ môn theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sách giáo khoa, tài liệu dạy học cho thư viện: mua sắm sách giáo khoa, sách giáo viên, sách chuyên đề, sách chuyên đề dành cho giáo viên, sách bài tập CTGDPT 2018. Trang bị bổ sung các loại sách tham khảo, các loại báo, tạp chí phục vụ cho công tác giảng dạy.

Tiếp tục trang bị và nâng cấp phần mềm quản lý dạy học (LMS), phòng máy tính,...

2. Công tác tài chính

Thực hiện cơ chế quản lý của cơ sở giáo dục công lập, đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định, theo chỉ đạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh trong quản lý tài chính của đơn vị.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các khoản thu đầu năm theo đúng quy định của văn bản: Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16/7/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024 – 2025; Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16/7/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban hành Kế hoạch số 272/KH-THPT TTH ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Trường THPT Tân Thông Hội vận động tài trợ năm học 2024 – 2025 theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống Giáo dục quốc dân.

Đảm bảo sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nhà trường. Sử dụng tài chính đúng theo các quy định hiện hành. Thực hiện các nguồn thu theo đúng quy định.

Đảm bảo việc phối hợp chặt chẽ với Cha mẹ học sinh, Ban đại diện CMHS trong công tác giáo dục và vận động các nguồn xã hội hóa, nguồn tài trợ hợp pháp hỗ trợ cho giáo dục và các nguồn thu thỏa thuận đúng quy định.

Thực hiện Đề án “Thanh toán học phí không sử dụng tiền mặt” cho học sinh, công cụ thanh toán thông minh này là một trong những hoạt động giúp học sinh gia nhập cộng dân toàn cầu.

IX. CÔNG TÁC KIỂM TRA

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nhằm đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa các hành vi sai phạm trong giáo dục, trong đơn vị.

Lập kế hoạch kiểm tra nội bộ. Trong đó, kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của đơn vị là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên. Có nhận xét, đánh giá và kết luận, rút kinh nghiệm sau mỗi đợt kiểm tra. Thực hiện kiểm tra đúng nội dung, khách quan, công khai và nghiêm túc.

Chú trọng kiểm tra trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng trường; kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm; kiểm tra việc đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tại đơn vị. Các loại hồ sơ sổ sách đủ, đúng yêu cầu.

Thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ cơ sở, các quy định về đạo đức nhà giáo, quy tắc ứng xử trường học, xây dựng môi trường sư phạm thân thiện; Cán bộ quản lý, giáo viên gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ. Khuyến cáo, ngăn ngừa các sai phạm quy chế, quy định về chuyên môn; kiên quyết xử lý các trường hợp sai phạm quy chế, quy định khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong năm học.

Tăng cường công tác giám sát, đánh giá, ghi nhận các phản ánh, ý kiến của học sinh và gia đình học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục. Hội đồng trường đóng góp ý kiến để hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và quyết định các nội dung, nhiệm vụ giúp nhà trường đánh giá những mặt mạnh, điểm yếu để từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục phát triển nhà trường.

Sau mỗi quý, mỗi học kì, nhà trường tổ chức họp rút kinh nghiệm, điều chỉnh bổ sung kế hoạch, nội dung và công tác tổ chức.

X. CÔNG TÁC THI ĐUA, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác thi đua khen thưởng

Tổ chức triển khai, thực hiện tốt các chủ trương, nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; theo Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh; Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 hướng dẫn Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” gắn với các phong trào thi đua khác. Việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Tăng cường công tác tuyên truyền, gắn với biểu dương gương người tốt, việc tốt. Nâng cao nhận thức về vai trò của công tác thi đua, khen thưởng, coi thi đua là động lực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Xây dựng *Quy chế đánh giá kết quả công tác và thi đua khen thưởng, kỷ luật* của nhà trường. Quy chế được thông qua Hội nghị Cán bộ công chức viên chức và có điều chỉnh bổ sung từng năm. Thành lập Hội đồng Thi đua – Khen thưởng theo từng năm học. Tổ chức đánh giá kết quả của Cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quý, học kì và năm học theo Luật viên chức và Nghị định số 91/2017 về thi đua khen thưởng. Hệ thống đánh giá gồm: Đánh giá kết quả công tác của công chức, viên chức và kết quả thi đua.

Tổ chức phát động, đăng kí và triển khai thực hiện phong trào thi đua trong đội ngũ, đối với từng cá nhân, tập thể trong đơn vị như: Chiến sĩ Thi đua các cấp, Lao động tiên tiến, Danh hiệu Phụ nữ 2 giỏi; Danh hiệu Công đoàn viên xuất sắc... Tổ chức triển khai giao nhiệm vụ, phân công công tác, khuyến khích cá nhân và các tập thể đăng kí thực hiện các hoạt động nhằm nâng cao kết quả dạy học và phát triển năng lực học sinh như: Giáo viên dạy giỏi, dạy học theo chủ đề tích hợp liên môn, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học sinh tham gia các cuộc thi KHKT, Sáng tác ảnh, thi học sinh giỏi, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tiết học ngoài nhà trường...

Tổ chức công tác khen thưởng: thực hiện theo văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở và nộp hồ sơ theo đúng quy trình và thời gian quy định. Tổ chức biểu dương Người tốt việc tốt và gương Điển hình tiên tiến nhằm động viên, khuyến khích và phát huy năng lực, sự cống hiến của đội ngũ.

Hàng năm dựa trên thành tích công tác, kết quả làm việc và đề xuất của các tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên... Hội đồng Thi đua khen thưởng họp bình chọn dân chủ và công khai kết quả khen thưởng cho những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc; hoặc đề xuất lên cấp trên theo Hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng.

2. Công tác Cải cách hành chính

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Căn cứ Quyết định số 6004/QĐ – UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch công tác cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố năm 2024; Căn cứ Kế hoạch số 429 /KH-SGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm 2024, nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-THPT TTH ngày 30 tháng 01 năm 2024 về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024.

Năm học 2024 – 2025, thông qua kiểm tra và báo cáo công tác Cải cách hành chính (CCHC), nhà trường tiếp tục rà soát Kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm:

Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.

Cải cách thể chế.

Cải cách thủ tục hành chính.

Cải cách tổ chức bộ máy.

Cải cách chế độ công vụ.

Cải cách tài chính công.

Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Khảo sát, đánh giá sự hài lòng của phụ huynh, học sinh.

Căn cứ mục tiêu của Kế hoạch xác định những nội dung cần đầu tư, điều chỉnh bổ sung nhằm:

Đảm bảo mục tiêu đã được xây dựng trong kế hoạch. Khắc phục những tiêu chí chưa đạt được trong năm 2023, phấn đấu các tiêu chí năm 2024 cao hơn. Đẩy mạnh tuyên truyền rộng rãi trên các kênh thông tin cho người dân được biết và thực hiện một cách đồng bộ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động, xây dựng các chuyên mục cải cách hành chính.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát, sửa đổi, thực hiện giám hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ cho PHHS. Giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi cho PHHS đến giải quyết hồ sơ. Tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực công tác, trình độ nghiệp vụ nhằm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đưa nội dung cải cách hành chính vào tiêu chí xét thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị gắn với việc khen thưởng, kỷ luật các cán bộ, giáo viên, nhân viên không thực hiện đúng yêu cầu thời hạn và trình tự thủ tục hành chính.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý, chỉ đạo

Hiệu trưởng xét duyệt kế hoạch giáo dục của các tổ chuyên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường, địa phương và gửi báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định. Nhà trường tổng hợp, hoàn thiện và ban hành chính thức văn bản Kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh làm cơ sở để tổ chức thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường một cách linh hoạt, khoa học, hợp lý, đặc biệt là thống nhất với kế hoạch chung của nhà trường; từ đó xác định các biện pháp cần thiết để thực hiện kế hoạch.

Các tổ chuyên môn đề xuất nội dung dạy học, giáo dục và kế hoạch dạy học/phân phối chương trình các môn học; góp ý hoàn thiện kế hoạch hoạt động giáo dục chung của nhà trường; xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn; hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục cá nhân căn cứ trên các kế hoạch của nhà trường và của tổ; tổ trưởng chuyên môn thường xuyên kiểm tra việc thực hiện kế hoạch dạy học của giáo viên trong tổ;

Các Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn căn cứ trên phạm vi công tác được Hiệu trưởng phân công phụ trách kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các bộ phận có liên quan và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; có chế độ báo cáo, thỉnh thị kịp thời.

2. Nâng cao chất lượng dạy học, sinh hoạt tổ (nhóm) chuyên môn

Tổ chức quán triệt cho các tổ chuyên môn, toàn thể thành viên trong nhà trường các văn bản, chỉ thị, các hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong năm học; mọi thành viên đều được nắm bắt và có nhận thức đầy đủ về vai trò, trách nhiệm của cá nhân để đạt được mục tiêu giáo dục chung của nhà trường, của tổ chuyên môn.

Nhà trường bố trí, sắp xếp cho giáo viên thuận lợi tham gia sinh hoạt chuyên môn. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, tập trung vào thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Các tổ nhóm chuyên môn sinh hoạt định kỳ theo quy định (1 lần/trong 2 tuần theo đúng Điều lệ trường Trung học; sắp xếp họp nhóm ngay sau họp tổ). Nội dung họp yêu cầu đi sâu vào chuyên môn (báo cáo chuyên đề, chia sẻ các tình huống khó khăn trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu bài học cụ thể, cập nhật thông tin liên quan đến các hoạt động dạy học, ...). Biên bản họp tổ chuyên môn phải cụ thể, chi tiết, rõ ràng, đúng quy định. Tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn, chia sẻ tài liệu, kinh nghiệm dạy học trong các buổi sinh hoạt chuyên môn. Kết quả của buổi sinh hoạt chuyên môn là giải quyết một vấn đề dạy học khó, nghiên cứu một phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, một chủ đề dạy học, một ma trận kiến thức cho một chương

một bài cụ thể, một buổi hướng dẫn chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, tổ chức hoạt động của giáo viên.

Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ hợp lý, bám sát kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Các thành viên của tổ xây dựng kế hoạch giảng dạy, giáo dục cá nhân phù hợp với môn dạy, điều kiện thực tế và đảm bảo việc hoàn thành công việc theo kế hoạch và mục tiêu chung, tìm tòi các giải pháp để nâng cao chất lượng công tác.

Triển khai hoạt động chuyên môn trực tuyến với nội dung thiết thực phục vụ cho chuyên môn và nghiệp vụ của giáo viên. Thực hiện mạng xã hội học tập.

3. Đổi mới phương pháp dạy học

Việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực trong nhà trường nhằm tiếp cận, hình thành và phát triển năng lực học sinh qua việc thực hiện các mục tiêu giáo dục của nhà trường. Thực hiện chỉ thị của Ủy ban nhân dân Thành phố “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

Tiếp tục thực hiện triển khai các phương pháp dạy học tích cực: phương pháp dạy học “Bàn tay nặn bột”, phương pháp dạy học theo dự án, phương pháp nghiên cứu khoa học trong học sinh trung học, dạy học theo định hướng giáo dục STEM, dạy học trải nghiệm và tổ chức các hoạt động giáo dục nhà trường.

Tổ chức dạy học theo chủ đề gắn với thực tiễn cuộc sống. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm ngoài lớp, ngoài nhà trường. Tổ nhóm chuyên môn tăng cường tính chủ động trong việc tổ chức các chủ đề dạy học trải nghiệm. Triển khai dạy học tích hợp ở các mức độ khác nhau.

Đẩy mạnh việc đổi mới hình thức và không gian dạy học trong trường phổ thông. Xây dựng các tiết học phòng bộ môn, phòng thí nghiệm, thư viện, các di tích lịch sử và cơ sở ngoài nhà trường.

Các tổ bộ môn tăng cường tổ chức các chuyên đề nhằm hướng dẫn học sinh tự học, thực hiện các nhiệm vụ học tập theo các hình thức dạy học do nhà trường triển khai. Bố trí, sắp xếp thời lượng để hướng dẫn học sinh đọc sách, tài liệu học tập, hình thành văn hóa đọc và phương pháp đọc khoa học.

4. Đổi mới quản lý dạy học

Trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng trong CTGDPT, trường chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh theo hướng tinh giản để tăng cường kỹ năng vận dụng kiến thức, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và khả năng học tập của học sinh. Tích cực xây dựng các chủ đề dạy học, dạy học tích hợp để có thời lượng dành cho luyện tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Thực hiện CTGDPT 2018, trên cơ sở dạy học môn học tự chọn, dạy học chuyên đề... các tổ chuyên môn và giáo viên thực hiện chủ động tích cực các phương pháp và hình thức dạy học. Đối với hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và nội dung giáo dục của địa phương, nhà trường chủ động lập kế hoạch, phân công các tổ bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên tham gia dạy học, tham gia tổ chức hoạt động, kiểm tra đánh giá trên tinh thần lồng ghép, tích hợp nhằm tăng tính hiệu quả của môn học.

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật trong kế hoạch giáo dục nhà trường.

Tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, xây dựng trường học thông minh để đổi mới hình thức tổ chức dạy học vận dụng các hiệu quả và đa dạng các phương pháp dạy học tích cực; thực hiện kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của người học; tổ chức các hoạt động, mô hình giáo dục sáng tạo, lồng ghép định hướng nghề nghiệp; đẩy mạnh hoạt động học sinh nghiên cứu khoa học, giáo dục STEM theo Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện Đề án “Giáo dục thông minh và học tập suốt đời giai đoạn 2020 – 2030”. Nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động dạy học trực tuyến, làm nền tảng để xây dựng xã hội học tập. Phối hợp xây dựng kho tài nguyên học liệu mở, hình thành mạng xã hội học tập trực tuyến miễn phí, phục vụ nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của học sinh.

Duy trì thực hiện dạy học với hệ thống quản lý học tập (LMS) (nhà trường sử dụng phần mềm truonghocviet.vn); chú trọng thực hiện dạy học thông qua các khóa học được tổ chức trên hệ thống LMS để phát huy khả năng tự học, đọc, nghiên cứu bài học của học sinh theo hướng dẫn của giáo viên; linh hoạt khi thực hiện thời khóa biểu (trên Internet trong giai đoạn giãn cách xã hội, trực tiếp trên lớp khi học sinh đến trường học trực tiếp) và phát huy hiệu quả của hệ thống LMS để ôn tập, củng cố hoàn thiện kiến thức theo định hướng mở rộng không gian, thời gian tổ chức hoạt động học cho học sinh.

Xây dựng học liệu, tài nguyên dạy học; Tài liệu tham khảo hỗ trợ dạy học: Học liệu, tài nguyên dạy học; tài liệu tham khảo hỗ trợ dạy học phải đảm bảo thống nhất sử dụng trong hoạt động dạy học của tổ chuyên môn, thống nhất nội dung, chương, bài, mục, đối tượng học sinh... Học liệu, tài nguyên dạy học; tài liệu tham khảo hỗ trợ dạy học phải phù hợp với nhu cầu học của học sinh, học sinh khi có tài liệu học tập sẽ thuận lợi hơn trong quá trình tiếp cận kiến thức, nội dung bài, rèn luyện các kỹ năng làm bài.... Khi thực hiện xây dựng học liệu, tài nguyên dạy học; tài liệu tham khảo hỗ trợ dạy học tổ, nhóm phân công cụ thể người thực hiện, đóng góp nội dung, duyệt nội dung. Hội đồng khoa học trường thông qua nội dung và phát hành (Căn cứ Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

5. Tham gia các hội thi chuyên môn

Bộ phận quản lý chuyên môn nắm bắt kế hoạch, thông tin các hội thi, cuộc thi, lập kế hoạch và triển khai về cho các tổ chuyên môn, các bộ phận phối hợp, thông tin đến cho giáo viên, học sinh để tham gia đầy đủ và chất lượng.

Căn cứ vào khả năng, năng lực của giáo viên để phân công nhân sự tham gia các hội thi, chú ý giao nhiệm vụ phù hợp. Tổ chuyên môn có trách nhiệm hỗ trợ, tạo điều kiện để thành viên tham gia.

Nhà trường tạo điều kiện về không gian, thời gian, hỗ trợ kinh phí để các thành viên trong nhà trường yên tâm và cố gắng tham gia hết khả năng của mình. Động viên, khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho người tham gia thi. Ghi nhận công tác để cập nhật trong quá trình đánh giá kết quả, xếp loại công tác hàng năm của giáo viên.

XII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN

1. Hiệu trưởng

Xây dựng dự thảo kế hoạch; lấy ý kiến tập thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường; trình Hội đồng trường thông qua kế hoạch; triển khai thực hiện kế hoạch đến cá nhân và các bộ phận có liên quan.

Phân công Phó Hiệu trưởng phụ trách quản lý, triển khai, kiểm tra, giám sát các nội dung trong kế hoạch.

Xây dựng tiêu chí đánh giá, thi đua khen thưởng các tập thể, cá nhân.

Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, trưởng các ban trực thuộc.

2. Phó Hiệu trưởng

Căn cứ kế hoạch giáo dục nhà trường xây dựng các kế hoạch chi tiết gắn liền với nhiệm vụ được phân công và triển khai đến các tổ chuyên môn, các bộ phận phụ trách.

Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá, đốc thúc các tổ chuyên môn, các bộ phận có liên quan đảm bảo đúng nội dung, tiến độ thực hiện kế hoạch.

Duyệt kế hoạch của các tổ chuyên môn được phân công phụ trách.

Tham mưu Hiệu trưởng điều chỉnh, bổ sung các nội dung có liên quan, phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ phụ trách.

Tham mưu kế hoạch tổ chức tổng kết, đánh giá tổng kết việc triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường.

Thực hiện các báo cáo có liên quan đến mảng công việc phụ trách.

3. Tổ trưởng tổ chuyên môn

Xây dựng kế hoạch hoạt động năm học của tổ chuyên môn.

Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giảng dạy bộ môn, kí duyệt kế hoạch giảng dạy bộ môn của giáo viên và trình lãnh đạo nhà trường phê duyệt.

Chủ trì xây dựng kế hoạch giảng dạy tích hợp liên môn, kế hoạch giảng dạy trải nghiệm theo môn học.

Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn 2 lần/tháng. Chú trọng việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá. Tập trung vào việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

4. Công đoàn trường

Căn cứ kế hoạch hoạt động của công đoàn Ngành và kế hoạch giáo dục nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động công đoàn phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị.

Tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng nội dung, tiêu chí đảm bảo cho việc thực hiện thành công kế hoạch giáo dục và động viên khen thưởng các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Vận động công đoàn viên nhà trường tham gia tích cực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

5. Tổ chức Đoàn Thanh niên

Căn cứ kế hoạch hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên và kế hoạch giáo dục nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ chức phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị.

Tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng nhà trường các nội dung, tiêu chí đảm bảo cho việc thực hiện thành công kế hoạch giáo dục và động viên khen thưởng các tập thể, các nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Vận động đoàn viên, đội viên, học sinh nhà trường tham gia tích cực và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập, rèn luyện.

6. Giáo viên và nhân viên

Thực hiện CTGDPT 2018, kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch tổ chuyên môn và xây dựng kế hoạch cá nhân.

Xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học, các hoạt động theo sự phân công của tổ chuyên môn.

Tham gia tích cực các hoạt động, các cuộc vận động do nhà trường, Công đoàn, Đoàn trường tổ chức.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường của Trường THPT Tân Thông Hội, năm học 2024 – 2025, các thành viên và các bộ phận thực hiện nghiêm túc kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT TP.HCM (để báo cáo);
- Hội đồng trường (để phê duyệt);
- CB-GV-NV (để thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Châu Văn Khoản

Số: /QĐ-THPT TTH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội
trong chăm sóc và giáo dục học sinh tại Trường THPT Tân Thông Hội**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TÂN THÔNG HỘI

Căn cứ Quyết định số 1525/QĐ-UB ngày 18/04/2003 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Trường THPT Tân Thông Hội;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ Thông tư số 13/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

Căn cứ Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BCA-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2015 giữa Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về hướng dẫn phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác trong ngành Giáo dục;

Theo đề nghị của lãnh đạo nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong chăm sóc và giáo dục học sinh tại Trường THPT Tân Thông Hội năm học 2024 – 2025.

Điều 2. Nhà trường, gia đình và chính quyền địa phương có nhiệm vụ phối hợp thực hiện các nội dung trong quy chế nhằm thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục học sinh.

Điều 3. Nhà trường, gia đình và chính quyền địa phương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Châu Văn Khoản

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội
trong chăm sóc và giáo dục học sinh tại Trường THPT Tân Thông Hội**
(Ban hành theo Quyết định số H40/QĐ-THPT TTH ngày 22 tháng 10 năm 2024
của Trường THPT Tân Thông Hội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đối tượng thực hiện; trách nhiệm, quyền hạn của nhà trường, gia đình, xã hội; nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục học sinh; quy định chế độ khen thưởng, xử lý vi phạm.

2. Quy chế được áp dụng trong Trường THPT Tân Thông Hội; các cấp quản lý giáo dục; các gia đình có người học; xã hội bao gồm: các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn theo quy định của pháp luật hiện hành (gọi chung là lực lượng xã hội).

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo sự thống nhất về quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục.

2. Tổ chức các hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục học sinh trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi bên theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Bảo đảm tính kỷ luật, kỷ cương và hiệu quả trong các hoạt động phối hợp; nâng cao trách nhiệm của mỗi bên tham gia.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khoẻ sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh môi trường cho học sinh).

2. Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

3. Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.

4. Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

Điều 4. Chủ thể đại diện

Đại diện nhà trường là Hiệu trưởng; đại diện gia đình học sinh là cha, mẹ, người giám hộ hợp pháp hoặc người được cha, mẹ, người giám hộ hợp pháp ủy quyền; đại diện

xã hội là các đoàn thể chính trị - xã hội do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBMTTQVN) làm đại diện.

Chương II **TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN** **CỦA NHÀ TRƯỞNG, GIA ĐÌNH, XÃ HỘI**

Điều 5. Trách nhiệm của nhà trường

1. Quản lý, tổ chức giảng dạy và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu chương trình giáo dục, thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá nhằm hình thành và rèn cho học sinh kỹ năng sống, kỹ năng thực hành, nếp sống, ý thức tổ chức kỷ luật.

2. Quản lý, giáo dục và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong thời gian học tập ở trường, tham gia hoạt động ngoại khoá trong và ngoài nhà trường.

3. Nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ, giáo viên đặc biệt là vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên bộ môn thực hiện đánh giá chính xác, công bằng, công khai hạnh kiểm, học lực của học sinh; thường xuyên trao đổi với gia đình học sinh theo đúng quy định.

4. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và vị trí của tổ chức đoàn trong việc xây dựng nề nếp tự quản, giáo dục lý tưởng hoài bão ước mơ cho học sinh; phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm và Trợ lý Thanh niên để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

5. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh; xây dựng nhà trường đảm bảo an ninh trật tự, cảnh quan xanh, sạch, đẹp; giáo dục học sinh có ý thức xây dựng và bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, thiên tai, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm và các tệ nạn xã hội.

7. Huy động lực lượng giáo viên và học sinh cùng với địa phương triển khai công tác phổ cập giáo dục, chủ động cùng chính quyền và gia đình tạo điều kiện cho trẻ được hưởng quyền học tập theo quy định của pháp luật.

8. Thường xuyên liên hệ chặt chẽ với gia đình học sinh, nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng, tinh thần thái độ học tập của học sinh ở nhà để có biện pháp phối hợp giáo dục; phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, trao đổi thông tin, hỗ trợ cha mẹ học sinh về kiến thức, phương pháp giáo dục con em. Định kỳ họp với cha mẹ học sinh thông tin đầy đủ quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, trên cơ sở đó đề xuất biện pháp phù hợp trong phối hợp giáo dục học sinh.

9. Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, đoàn thể xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm, thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

10. Phối hợp với các cơ quan, các ban, ngành chức năng, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật, trật tự ATGT, nếp sống văn hoá, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, giáo dục về sức khoẻ sinh sản vị thành niên, an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường cho học sinh; tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá, giới thiệu truyền thống và các thành tựu kinh tế-xã hội huyện, xã và nơi trường đặt địa điểm;

tạo điều kiện cho học sinh tham gia vào các phong trào, hoạt động văn hoá- xã hội-khoa học-kỹ thuật tại địa phương.

11. Báo cáo kịp thời với Sở GD-ĐT, UBND huyện Củ chi, về tổ chức thực hiện Quy chế ở đơn vị mình.

Điều 6. Quyền hạn của nhà trường

1. Thực hiện các quyền hạn theo quy định của Điều lệ nhà trường và quy định của pháp luật.

2. Tham mưu với UBND các cấp đầu tư về cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho hoạt động dạy và học của nhà trường theo mục tiêu giáo dục toàn diện và quy định xây dựng cơ sở vật chất trường chuẩn quốc gia.

3. Kiến nghị chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng đảm bảo điều kiện về an ninh trật tự khu vực trường học và cơ sở giáo dục, không để các tiêu cực, tệ nạn xã hội tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục.

4. Phối hợp cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh vận động cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội khác tham gia đóng góp kinh phí xây dựng cơ sở vật chất trường học theo pháp luật hiện hành.

Điều 7. Trách nhiệm của gia đình

1. Nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, tạo điều kiện cho con em được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường; không để con em bỏ học, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của trẻ em theo Công ước quốc tế, Luật giáo dục, Luật bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em và các văn bản có liên quan.

2. Xây dựng gia đình văn hoá, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ của con em; người lớn tuổi có trách nhiệm giáo dục, gương mẫu cho con em mình học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho con em học tập tại nhà, cùng nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Quản lý, giám sát lịch trình học tập, vui chơi giải trí, sinh hoạt của con em mình tại nhà. Nắm vững diễn biến tư tưởng, đạo đức, học lực của con em, chủ động thông báo cho nhà trường và giáo viên chủ nhiệm những vấn đề không bình thường của con em mình và những học sinh khác để thống nhất biện pháp phối hợp giáo dục.

4. Chủ động, tích cực phối hợp cùng nhà trường và các tổ chức đoàn thể giáo dục con em; phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của con em mình gây ra theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ban Giám hiệu nhà trường hoặc giáo viên chủ nhiệm tổ chức, đóng góp đầy đủ các khoản theo quy định của Nhà nước. Đồng thời tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục và hưởng ứng các hoạt động của Hội khuyến học.

Điều 8. Quyền của gia đình

1. Cha mẹ học sinh có các quyền quy định tại Điều 95 của Luật Giáo dục và trong Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về nội dung, chương trình phối hợp và phương pháp giáo dục học sinh của trường.

3. Yêu cầu nhà trường thường xuyên thông báo kết quả học tập và rèn luyện của con em mình; tham gia các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường; yêu cầu nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục giải quyết theo pháp luật những vấn đề có liên quan đến việc giáo dục con em.

4. Kiến nghị với các cấp có thẩm quyền xử lý những vi phạm của cá nhân hoặc tổ chức về quyền của trẻ em được pháp luật Nhà nước Việt Nam quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của xã hội

1. Quan tâm chỉ đạo và tham gia quản lý sự nghiệp giáo dục, theo chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tuyên truyền để mọi tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân, mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục.

3. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn, theo khả năng giúp nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho nhà giáo và người học tham quan, thực tập nghiên cứu khoa học góp phần xây dựng phong trào học tập, rèn luyện của học sinh.

4. Các lực lượng xã hội tham gia xây dựng nếp sống văn hoá cơ sở và cộng đồng dân cư, tạo môi trường lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những tác động có ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục.

5. Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị để người học được vui chơi, giải trí, hoạt động thể dục, thể thao lành mạnh, sau các giờ học văn hoá.

6. Đầu tư về tài chính, nhân lực, vật lực cho sự phát triển giáo dục. Sẵn sàng đáp ứng khi nhà trường có những yêu cầu đề nghị về sự hỗ trợ, giúp đỡ trong công tác giảng dạy, giáo dục học sinh; chủ động xây dựng các quỹ khuyến học, khuyến tài, quỹ tài năng trẻ để khen thưởng động viên kịp thời học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện.

Điều 10. Quyền hạn của xã hội

1. Yêu cầu nhà trường thông báo định kì, hoặc đột xuất về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của đơn vị.

2. Yêu cầu nhà trường phối hợp để triển khai, thực hiện những chủ trương, nhiệm vụ có nội dung liên quan tới giáo dục cho học sinh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Ban đại diện cha mẹ học sinh ở nhà trường căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, chủ động phối hợp chặt chẽ với nhà trường và các tổ chức xã hội tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 12. Đề nghị UMMTTQVN xã Tân Thông Hội và các tổ chức thành viên, động viên nhân dân trong xã chăm lo sự nghiệp giáo dục; vận động gia đình thực hiện tốt Quy chế này; đưa ra những kiến nghị đối với các cơ quan nhà nước hữu quan để làm tốt công tác giáo dục học sinh. Mặt trận Tổ quốc xã trình cấp ủy, phối hợp với chính quyền

cùng cấp chỉ đạo việc xây dựng cam kết giữa Mặt trận Tổ quốc với Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 13. Hội đồng giáo dục, Hội khuyến học xã căn cứ vào Điều lệ của Hội, phổ biến, triển khai nội dung Quy chế này tới các thành viên, tham gia chỉ đạo thực hiện Quy chế.

Điều 14. UBND xã Tân Thông Hội trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung

1. Xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế này tại địa phương; chỉ đạo cơ quan chức năng tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa nhất là cơ sở kinh doanh Karaokê, Internet, trò chơi điện tử nói chung và các cơ sở kinh doanh khác ở gần nhà trường. Không để các cơ sở này chứa chấp, cầm đồ của học sinh, lôi kéo học sinh vào các tệ nạn xã hội.

2. Định kì, đột xuất kiểm tra các cơ quan, thôn, làng, nhà trường về việc thực hiện Quy chế này; việc chấp hành các Chỉ thị, Nghị quyết, quy định của Đảng, Nhà nước về trật tự an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; xây dựng nếp sống văn minh, văn hóa.

Điều 15. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, đơn vị vũ trang, nhân dân trên địa bàn xã trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình phổ biến, quán triệt tới cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị phối hợp thực hiện Quy chế này.

Điều 16. Cơ quan chủ trì

1. Trường THPT Tân Thông Hội là cơ quan chủ trì, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm:

a) Tham mưu cho UBND huyện Củ Chi, UBND xã Tân Thông Hội ban hành kế hoạch chỉ đạo thực hiện Quy chế này; cân đối ngân sách chi cho sự nghiệp GD&ĐT hàng năm hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động trong công tác phối hợp giáo dục học sinh, nhằm nâng cao trách nhiệm, hiệu quả tổ chức thực hiện Quy chế này.

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch phối hợp, tổ chức củng cố, xây dựng Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; xây dựng mô hình điểm, sơ kết, tổng kết định kỳ.

c) Chủ động phối hợp với UBMTTQVN xã Tân Thông Hội, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và đơn vị vũ trang, nhân dân trên địa bàn xã có liên quan xây dựng cụ thể nội dung phối hợp giáo dục; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra đánh giá việc thực hiện của mỗi bên.

2. UBND xã Tân Thông Hội

a) Xây dựng kế hoạch chỉ đạo các ban, ngành liên quan trên địa bàn phối hợp thực hiện Quy chế này.

b) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế. Định kỳ, chủ trì tổ chức họp giao ban với công an địa phương và các cơ quan có liên quan để nắm tình hình và bàn biện pháp phối hợp quản lý, giáo dục học sinh.

c) Chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan nhà nước và đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn xây dựng cụ thể nội dung phối hợp giáo dục; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra đánh giá việc thực hiện của mỗi bên.

Điều 17. Định kỳ 6 tháng, một năm UBND xã phối hợp cùng Mặt trận Tổ quốc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nội dung cam kết phối hợp thực hiện Quy chế của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh, báo cáo cơ quan chủ trì cấp trên.

**ĐD BAN ĐẠI DIỆN CMHS
TRƯỞNG BAN**

ml
Lê Thị Ai Nương

**ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG**

Châu Văn Khoản

**ĐD UBND XÃ TTH
CHỦ TỊCH**



Hồ Thành Đạt